

25

ĐỒNG HÀNH ĐỒNG CHIA SẺ

BAO LONG
INSURANCE



An aerial view of a city at sunrise. The sun is low on the horizon, creating a bright, golden glow over the cityscape. Several birds are flying in the sky above the city. The text "BÙNG SÁNG TƯƠNG LẠI" is overlaid on the image in white, bold, sans-serif font.

BÙNG SÁNG
TƯƠNG LẠI

NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

1

GIỚI THIỆU DOANH NGHIỆP

- 12 Thông tin Công ty
- 16 Mạng lưới hoạt động
- 17 Cổ đông và đối tác
- 18 Hành trình 25 năm
- 20 Thông tin cổ phần và cổ đông
- 22 Các sự kiện nổi bật năm 2019
- 24 Các giải thưởng tiêu biểu
- 26 Sơ đồ tổ chức
- 28 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 32 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 34 Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc
- 40 Định hướng phát triển giai đoạn 2018 - 2023
- 42 Các rủi ro

2

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

- 46 Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019
- 52 Báo cáo tình hình triển khai các giải pháp kinh doanh năm 2019
- 58 Kế hoạch hoạt động và giải pháp kinh doanh 2020
- 62 Nguồn nhân lực

3

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 66 Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững
- 68 Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan
- 70 Trách nhiệm với môi trường

4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

- 74 Báo cáo của Ban Điều hành
- 76 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 78 Bảng cân đối kế toán
- 80 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 83 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 84 Thuyết minh báo cáo tài chính

- 121 Mạng lưới hoạt động



TRÁI QUA 25 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, BÊN CẠNH VIỆC XÂY DỰNG MỘT THƯƠNG HIỆU BẢO HIỂM LỚN MẠNH, BẢO LONG LUÔN XEM TRỌNG YẾU TỐ CON NGƯỜI LÀ NỀN TẢNG VỮNG MẠNH. CÔNG TY ĐÃ TẬP TRUNG ĐẦU TƯ CHO VIỆC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CÓ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CAO, NHỊỆT TÌNH, NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO, ĐOÀN KẾT TRONG CÔNG VIỆC... BẢO LONG TIN CHẮC RẰNG HOÀN TOÀN CÓ THỂ LẠC QUAN VỀ MỘT GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI ĐẦY TRIỂN VỌNG KHI NHÌN VỀ TƯƠNG LAI.

25 NĂM

ĐỒNG HÀNH ĐỒNG CHIA SẺ

BẢO HIỂM BẢO LONG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM LÀ PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG MỌI NGUỒN LỰC, TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC NỘI BỘ TRÊN TOÀN HỆ THỐNG BẢO LONG, HƯỚNG TỚI HOÀN THÀNH MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC KINH DOANH 05 NĂM 2018 - 2023 CỦA TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LONG, TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG TRONG TƯƠNG LAI.



NHỮNG CON SỐ TIÊU BIỂU
NĂM 2019

Tổng doanh thu
phí Bảo hiểm
1.225
Tỷ VND

Tổng tài sản
1.996
Tỷ VND

Tổng số
Cán bộ nhân viên
945
Người

Lợi nhuận trước thuế
52,8
Tỷ VND

Vốn điều lệ
600
Tỷ VND

Công ty
thành viên
46

Điểm giao dịch
230

Đại lý bảo hiểm
trên toàn quốc
Gần **1.000**
Đại lý

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BẢO LONG KỶ NIỆM 25 NĂM NGÀY THÀNH LẬP (11/07/1995), GHI DẤU MỘT PHẦN TƯ THỂ KỸ HOẠT ĐỘNG BỀN BỈ, LUÔN ĐỒNG HÀNH, ĐỒNG CHIA SẺ CÙNG KHÁCH HÀNG. SAU GIAI ĐOẠN TÁI CƠ CẤU, THAY ĐỔI TOÀN DIỆN VỀ CHẤT, BẢO LONG ĐANG TỪNG BƯỚC KHẮNG ĐỊNH VỊ THẾ VÀ VƯƠN ĐẾN NHỮNG TẦM CAO MỚI. HƯỚNG ĐẾN DỊP KỶ NIỆM 25 NĂM NGÀY THÀNH LẬP, BẢO LONG CÓ NHIỀU HOẠT ĐỘNG NHẪM NÂNG CAO HƠN NỮA VỊ TRÍ CỦA MÌNH TRÊN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM.

Quý cổ đông, khách hàng và đối tác thân mến,

Lời đầu tiên, thay mặt Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, tôi xin gửi lời cảm ơn đến quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã ủng hộ và đồng hành cùng chúng tôi trong chặng đường 25 năm phát triển.

Tự hào là doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực bảo hiểm, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long đã phát triển với đội ngũ nhân sự trên 945 nhân viên, 46 công ty thành viên, 230 điểm giao dịch và gần 1000 đại lý bảo hiểm cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm cho khách hàng trên toàn quốc.

Sự lớn mạnh của Bảo Long ngày hôm nay là nhờ tinh thần đoàn kết, kề vai sát cánh cùng nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ, nhân viên, tư vấn viên trên toàn hệ thống cũng như sự tin tưởng và ủng hộ của quý cổ đông, khách hàng và đối tác. Chính vì vậy, trong hành trình **25 năm Đồng hành Đồng chia sẻ** Bảo hiểm Bảo Long luôn nỗ lực hết mình để đáp lại niềm tin mà các bên đã dành cho chúng tôi.

Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long đã triển khai thực hiện và cơ bản hoàn thành các giải pháp chiến lược đã đề ra. Những nỗ lực này đã góp phần từng bước hoàn thiện mục tiêu phát triển Công ty trở thành một Công ty bảo hiểm hàng đầu thông qua khả năng cung cấp dịch vụ bảo hiểm.

Năm 2019, tổng Doanh thu Phí bảo hiểm là 1.225 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với năm 2018;

Lợi nhuận trước thuế đạt 52,8 tỷ đồng, hoàn thành 136% kế hoạch. Tổng tài sản đạt 1.996 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 675.2 tỷ đồng.

Kính thưa quý vị,

25 năm qua là một chặng đường vẻ vang và rất đáng tự hào của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến các ông bà cán bộ nhân viên và tư vấn viên qua các thời kỳ của Bảo Long; các quý khách hàng, các đối tác và các cổ đông đã luôn đồng hành, hỗ trợ và đóng góp tích cực vào quá trình xây dựng và phát triển của Bảo Long.

Chúng tôi tin tưởng và cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh theo chiến lược phát triển đã đặt ra để xứng đáng với niềm tin mà quý khách hàng, đối tác và quý vị cổ đông đã và sẽ tiếp tục dành cho Bảo Long.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, tôi xin chúc các quý vị cổ đông, quý khách hàng và đối tác An khang - Thịnh vượng.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Thành Long



Chương 01

GIỚI THIỆU CÔNG TY

TẠO DỰNG THƯƠNG HIỆU
TỪ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

| | |
|---------------|--|
| Tên tiếng Anh | : Bao Long Insurance Corporation |
| Tên giao dịch | : Bảo hiểm Bảo Long |
| Tên viết tắt | : Bảo Long |
| Địa chỉ | : 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Liên hệ | : Điện thoại: (84.28) 38 239 219 Fax: (84.28) 38 228 967 Website: www.baolonginsurance.com.vn |
| Tài khoản số | : 156 01 0126637 0001 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch, TP.HCM |
| Vốn điều lệ | : 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng) |

25 NĂM KINH NGHIỆM TRONG NGÀNH BẢO HIỂM

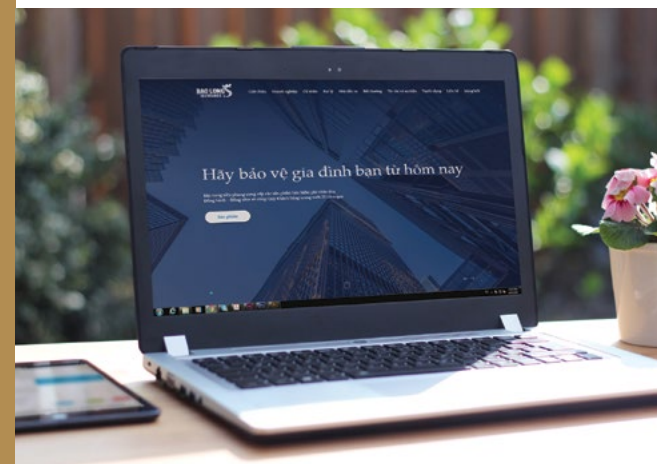
TRONG SUỐT CHẶNG ĐƯỜNG
HƠN 25 NĂM HOẠT ĐỘNG,
BẢO LONG LUÔN LẤY
KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM.
NHỜ ĐÓ, CÔNG TY NGÀY CÀNG
KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ CỦA MÌNH,
ĐÓNG GÓP THIẾT THỰC VÀO SỰ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ
THỊNH VƯỢNG CHO CỘNG ĐỒNG
VÀ CHO XÃ HỘI.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm vào ngày 11/07/1995, với tên gọi là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng.

Bảo Long là Công ty cổ phần đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm Phi nhân thọ tại Việt Nam và đã được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận số 05TC/GCN xác nhận đủ tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Ngày 14/5/2012 Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long).

Trải qua 25 năm hoạt động và phát triển, đến nay Bảo Long đã có 46 công ty thành viên trực thuộc phân bố rộng khắp từ Nam ra Bắc. Ngoài ra, Bảo Long có gần 1,000 đại lý bảo hiểm đưa sản phẩm bảo hiểm tới tận tay người có nhu cầu. Với năng lực tài chính hùng mạnh, đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, Bảo Long hoàn toàn có khả năng đáp ứng được mọi nhu cầu bảo hiểm của khách hàng.

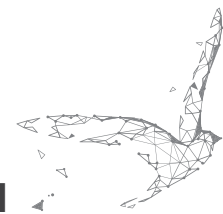


SẢN PHẨM DÀNH CHO DOANH NGHIỆP

Bảo Long hiểu rõ thị trường và hiểu rõ những rủi ro. Chúng tôi cung cấp những hợp đồng bảo hiểm cho nhiều doanh nghiệp trong nước và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu cụ thể của các doanh nghiệp, bất cứ nơi đâu và bất cứ khi nào bạn có nhu cầu.

SẢN PHẨM DÀNH CHO CÁ NHÂN

Đây là những sản phẩm dành cho đối tượng khách hàng là các cá nhân riêng biệt. Tùy theo mỗi mục đích về nhu cầu mà mỗi khách hàng có thể lựa chọn cho mình sản phẩm bảo hiểm cá nhân phù hợp.



SLOGAN

"Đồng hành - Đồng chia sẻ"

Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các Khách hàng của mình. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam Bảo Long đã và luôn sẵn sàng đồng hành cùng các nhà đầu tư Việt Nam mở rộng thị trường bảo hiểm đến với các thị trường trong khu vực như: Lào, Campuchia, Myanmar...

TÂM NHÌN

Trở thành Công ty Bảo hiểm được
tín nhiệm hàng đầu

SỨ MỆNH

Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Khách hàng
là trọng tâm



Đội ngũ
chính trực



Không ngừng
đổi mới

CÁC CAM KẾT CỦA BẢO LONG

1



VỚI KHÁCH HÀNG

Thấu hiểu mọi nhu cầu
của Khách hàng, đưa ra giải pháp
sản phẩm tối ưu, đảm bảo dịch vụ
nhANH chóng, chính xác.

2



VỚI ĐỐI TÁC

Hợp tác lâu dài, chia sẻ cơ hội
cùng phát triển.

3



VỚI CỔ ĐÔNG

Tối đa hóa giá trị và lợi ích
cho Cổ đông.

4



VỚI XÃ HỘI

Tuân thủ quy định pháp luật, tích cực
tham gia các hoạt động cộng đồng,
góp phần xây dựng xã hội ngày càng
tốt đẹp hơn.

5



VỚI NHÂN VIÊN

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện,
năng động và chuyên nghiệp, đảm bảo
chế độ đãi ngộ công bằng và tạo điều kiện
phát triển cho tất cả cán bộ nhân viên.

6



VỚI CHÍNH MÌNH

Không ngừng phấn đấu,
đổi mới và hoàn thiện.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



Tổng số
Công Ty Thành viên

46

Công ty

Tổng số đại lý
Bảo hiểm trên toàn quốc

gần

1.000

Công ty đại lý

Tổng số điểm
giao dịch Bảo hiểm

230

Điểm giao dịch



CỔ ĐỒNG VÀ ĐỐI TÁC

CỔ ĐỒNG

Bảo Long vinh dự có các cổ đồng là những doanh nghiệp có uy tín hoạt động trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, dịch vụ ở Việt Nam.

Hiện nay, Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) là những cổ đồng lớn của Bảo Long.

ĐỐI TÁC

Trong quá trình kinh doanh bảo hiểm, Bảo Long vinh dự được cộng tác với nhiều đối tác lớn thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau:

- Ngân hàng: là những ngân hàng hàng đầu như SCB, Eximbank, Tienphongbank, Sacombank, OCB, VietCapitalBank, KienLongBank, HDBank...
- Kênh phân phối bảo hiểm truyền thống là các công ty môi giới hàng đầu trên thị trường như Aon, Marsh, Gras Savoye Willis, Jardine Lloyd's Thompson, Benfield...
- Kênh phân phối bảo hiểm mới như Viettel, Smartbuddy ManuLife, MSH, Momo, Pharmacy...
- Tài bảo hiểm: Bảo Long đang cộng tác rất hiệu quả và nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các nhà Tài bảo hiểm lớn trên thế giới như CCR (Caisse Centrale de Reassurance), Swiss Re, Munich Re, ACR, Lloyd's syndicate, QBE, AIG...



HÀNH TRÌNH 25 NĂM



1995 - 2020

TRONG SUỐT 25 NĂM QUA,
ĐƯỜNG LỐI LÃNH ĐẠO
ĐÚNG ĐẮN VÀ SỰ NỖ LỰC CỦA
TẬP THỂ CÁN BỘ NHÂN VIÊN
CHÍNH LÀ YẾU TỐ TẠO NÊN
SỨC MẠNH GIÚP BẢO HIỂM
BẢO LONG VƯỢT QUA
KHÓ KHĂN, NẮM BẮT CƠ HỘI
VỚI NHỮNG THÀNH QUẢ
ĐÁNG TỰ HÀO.
THỂ HIỆN SỰ TRÂN TRỌNG,
KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY NHỮNG
GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG
TỐT ĐẸP MÀ BAO LỚP THẾ HỆ
CÁN BỘ, NHÂN VIÊN,
TỰ VẤN VIÊN CỦA BẢO LONG
ĐÃ XÂY DỰNG, GÌN GIỮ
VÀ BỒI ĐÁP NÊN.

1995

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG ĐƯỢC THÀNH LẬP

Ngày 11/07/1995, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long (tiền thân là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rộng) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh. Bảo Long là Công ty Cổ phần bảo hiểm đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.

2012

ĐỔI TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NHÀ RỘNG THÀNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG.

Ngày 14/5/2012, Bộ Tài Chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rộng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

2013

MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG LÊN 19 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Năm 2013, Bảo Long đã mở rộng mạng lưới hoạt động thông qua việc thành lập thêm 06 Đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 19 đơn vị.

2014

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN LÀ CỔ ĐỒNG CHIẾN LƯỢC CỦA BẢO LONG. THÀNH LẬP THÊM 2 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Năm 2014 là năm đánh dấu một cột mốc mới của Bảo Long khi cơ cấu Cổ đồng có sự thay đổi lớn. Ngày 14/04/2014, Bảo Long được Bộ Tài Chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 71GP/KDBH chấp thuận Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) là Cổ đồng chiến lược của Bảo Long.

Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 2 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 21 đơn vị.

2015

CỔ PHIẾU BẢO LONG CHÍNH THỨC LÊN SÀN. TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 404 TỶ ĐỒNG. NÂNG SỐ THÀNH VIÊN LÊN 30 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Ngày 11/12/2015, hơn 40,3 triệu cổ phiếu (CP) của Bảo Long chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM, với mã chứng khoán BLI.

Cùng năm đó, Bảo Long đã kỷ niệm 20 năm thành lập, chính thức tăng vốn điều lệ lên 404 tỷ đồng, thành lập thêm 9 đơn vị thành viên, và vinh dự nhận được giải thưởng "Dịch vụ bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2015" do Tổ chức Global Banking and Finance Review Awards của Anh bình chọn.

2016

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 500 TỶ ĐỒNG. NÂNG SỐ THÀNH VIÊN LÊN 41 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Bảo Long tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 404 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPD9C9/KDBH do Bộ Tài Chính cấp, thành lập thêm 11 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 41 đơn vị.

Năm 2016, Bảo Long vinh dự được bình chọn Top 10 Công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam.

2017

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 600 TỶ ĐỒNG. NÂNG SỐ THÀNH VIÊN LÊN 46 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Ngày 07/04/2017, Bảo Long chính thức tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC18/KDBH do Bộ Tài chính cấp. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 05 đơn vị thành viên nâng tổng số đơn vị thành viên lên 46 đơn vị thành viên và tiếp tục nhận được giải thưởng Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam.

2018

TỔNG DOANH THU ĐẠT 1.092 TỶ ĐỒNG VƯỢT CỘT MỐC 1.000 TỶ ĐỒNG

Với mục tiêu **chuyển đổi Toàn diện – Đồng hành, Đồng chia sẻ**, Bảo Long đã đạt được dấu ấn 1.092 TỶ ĐỒNG doanh thu, vượt cột mốc 1.000 tỷ đồng, đánh dấu một tầm cao mới của Bảo Long trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Đây là bước đệm quan trọng để Bảo Long hướng đến Doanh nghiệp 2.000 tỷ vào năm 2022 theo chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Năm 2018, Bảo Long tiếp tục vinh dự lọt Top 10 Công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam và Thương hiệu Mạnh Việt Nam 4 năm liên tiếp 2015 - 2016 - 2017 và 2018.

2019

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

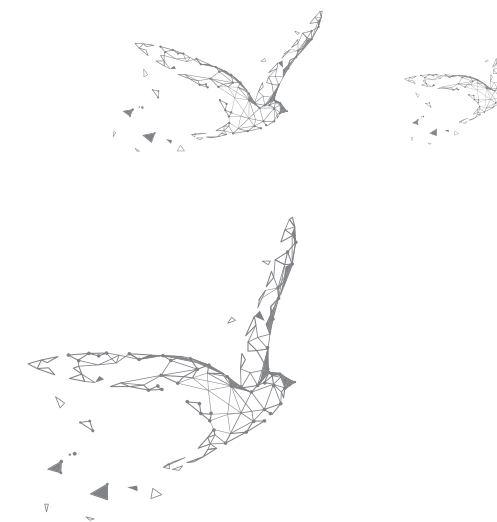
1.225

↑12% SO VỚI CÙNG KỲ

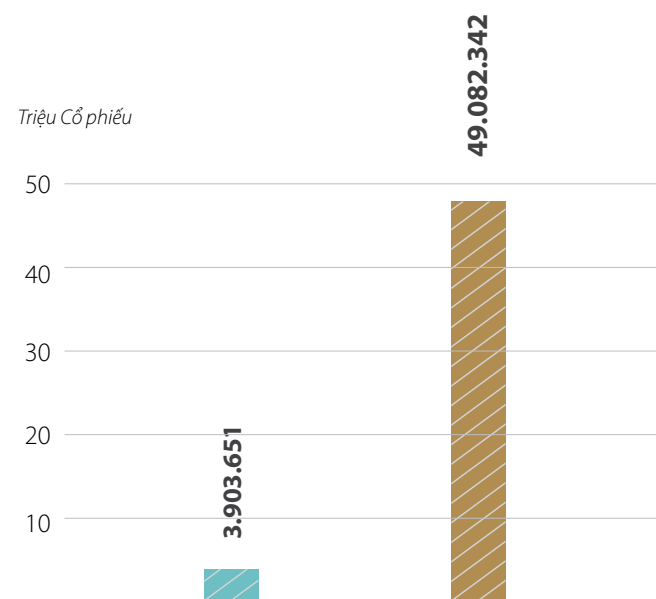
TIẾP TỤC KIẾN TOÀN BỘ MÁY CƠ CẤU TỔ CHỨC, PHÂN VÙNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019, Bảo Long tiếp tục kiến toàn bộ máy cơ cấu tổ chức, phân vùng hoạt động kinh doanh thành 2 trung tâm kinh doanh miền và 9 vùng trải dài từ Bắc chí Nam.

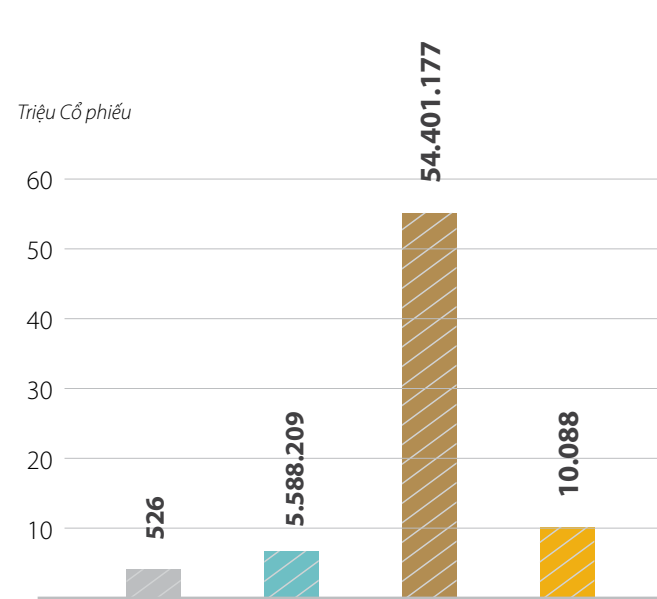
Bảo Long tiếp tục vinh dự lọt Thương hiệu Mạnh Việt Nam và đạt được giải thưởng Tin & Dũng Việt Nam.



THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG



● CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LỚN (CỔ PHIẾU) ●



● CƠ CẤU SỞ HỮU (CỔ PHIẾU) ●

■ Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) : 49.082.342
 ■ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) : 3.903.651

■ Cá nhân trong nước : 5.588.209
 ■ Tổ chức trong nước : 54.401.177
 ■ Cá nhân nước ngoài : 10.088
 ■ Cổ phiếu quỹ : 526

Vốn điều lệ

600

Tỷ VND.....

| | |
|---------------------------|------------------------|
| Vốn điều lệ của Công ty | : 600.000.000.000 đồng |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | : 600.000.000.000 đồng |
| Số Cổ phiếu đang lưu hành | : 59.999.474 cổ phiếu |
| Cổ phiếu quỹ | : 526 |
| Mệnh giá cổ phiếu | : 10.000 đồng/cổ phiếu |
| Số Cổ phiếu niêm yết | : 60.000.000 cổ phiếu |



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2019



28/02/2019

Bảo Long vinh dự lọt Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2019 do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) công nhận.



20/03/2019

Bảo Long chính thức áp dụng hình thức hóa đơn điện tử, tiến tới Doanh nghiệp 4.0, giúp tiết kiệm chi phí in ấn và phí chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.



29/03/2019

Bảo Long tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 tại Trụ sở chính Tổng Công ty.



03/04/2019

Trong tháng 4.2019, Bảo Long kết hợp cùng ứng dụng ví điện tử Momo phát triển ứng dụng mua bảo hiểm du lịch toàn cầu trực tuyến.



17/07/2019

Bảo Long tổ chức thành công Hội nghị Sơ kết năm 2019 kết hợp nghỉ mát hàng năm tại Thái Lan. Tiệc tối Gala Dinner được tổ chức hoành tráng với nhiều tiết mục biểu diễn văn nghệ sôi nổi và ý nghĩa của CBNV là dịp giao lưu, kết nối giữa các Lãnh đạo và CBNV Bảo Long cũng như Lãnh đạo Bảo Long và các đối tác lớn nước ngoài.



T8/2019

Bảo Long phát động chương trình chạy bộ từ thiện Run for FUNd dành cho CBNV.



16/08/2019

Bảo Long kết hợp cùng Ngân hàng Bản Việt tổ chức thành công Hội nghị Hợp tác Bảo hiểm thông qua Kênh Bancassurance tại Hà Nội.



16/09/2019

Bảo Long tổ chức thành công cuộc thi ảnh du lịch quy mô toàn hệ thống với tổng giá trị giải thưởng lên đến 20 triệu đồng, thu hút hơn 100.000 lượt tương tác tại Mạng xã hội Facebook, góp phần nâng cao sự gắn kết giữa các nhân viên Bảo Long.



30/12/2019

Bảo hiểm Bảo Long hợp tác cùng Pharmacy hướng đến cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho từng cá nhân - Pharmacy Care, kỳ vọng đạt 200 tỷ doanh thu sau 1 năm triển khai.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



"CÚP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT NĂM 2006"

do báo Sài Gòn Giải Phóng tổ chức

BẰNG KHEN "DOANH NGHIỆP CÓ THÀNH TÍCH THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH THUẾ NĂM 2007"

TOP 20 "DỊCH VỤ VÀNG VIỆT NAM NĂM 2012"

do Cục Sở hữu Trí tuệ, Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam,
Viện Sở hữu Trí tuệ, Hội Bảo vệ Người tiêu dùng
bình chọn

GIẤY KHEN "CHẤP HÀNH TỐT NGHĨA VỤ THUẾ NĂM 2017"

do Cục Thuế TP.HCM trao tặng

BẰNG KHEN "DOANH NGHIỆP ĐÃ CÓ NHIỀU THÀNH TÍCH ĐÓNG GÓP VÀO QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM TỪ NĂM 1999 – 2015"

BẰNG KHEN CỦA BỘ TÀI CHÍNH "ĐÃ CÓ NHIỀU THÀNH TÍCH TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM TRONG GIAI ĐOẠN 2010 - 2015"

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN "DỊCH VỤ BẢO HIỂM TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2015"

do Tạp chí Global Banking & Finance Review của
Anh Quốc bình chọn

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN "THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM 5 NĂM LIÊN TIẾP 2015 - 2016 - 2017 - 2018 - 2019"

do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

BẰNG KHEN CỦA BỘ TÀI CHÍNH "ĐÃ CÓ NHIỀU THÀNH TÍCH TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM TRONG GIAI ĐOẠN 2010 - 2015"

TOP 10 CÔNG TY BẢO HIỂM UY TÍN NHẤT VIỆT NAM 3 NĂM LIÊN TIẾP 2016 - 2017 - 2018

Do Vietnam Report phối hợp với Báo Vietnam Net
– Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức

TOP 20 THƯƠNG HIỆU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHẤT LƯỢNG CAO 2017 VỚI SẢN PHẨM BẢO HIỂM BẢO TÂM AN

Do Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ Thương hiệu
Việt Nam cùng Báo Thương hiệu và Công luận
phối hợp tổ chức

TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM VÀ DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM 2 NĂM LIÊN TIẾP 2018 - 2019

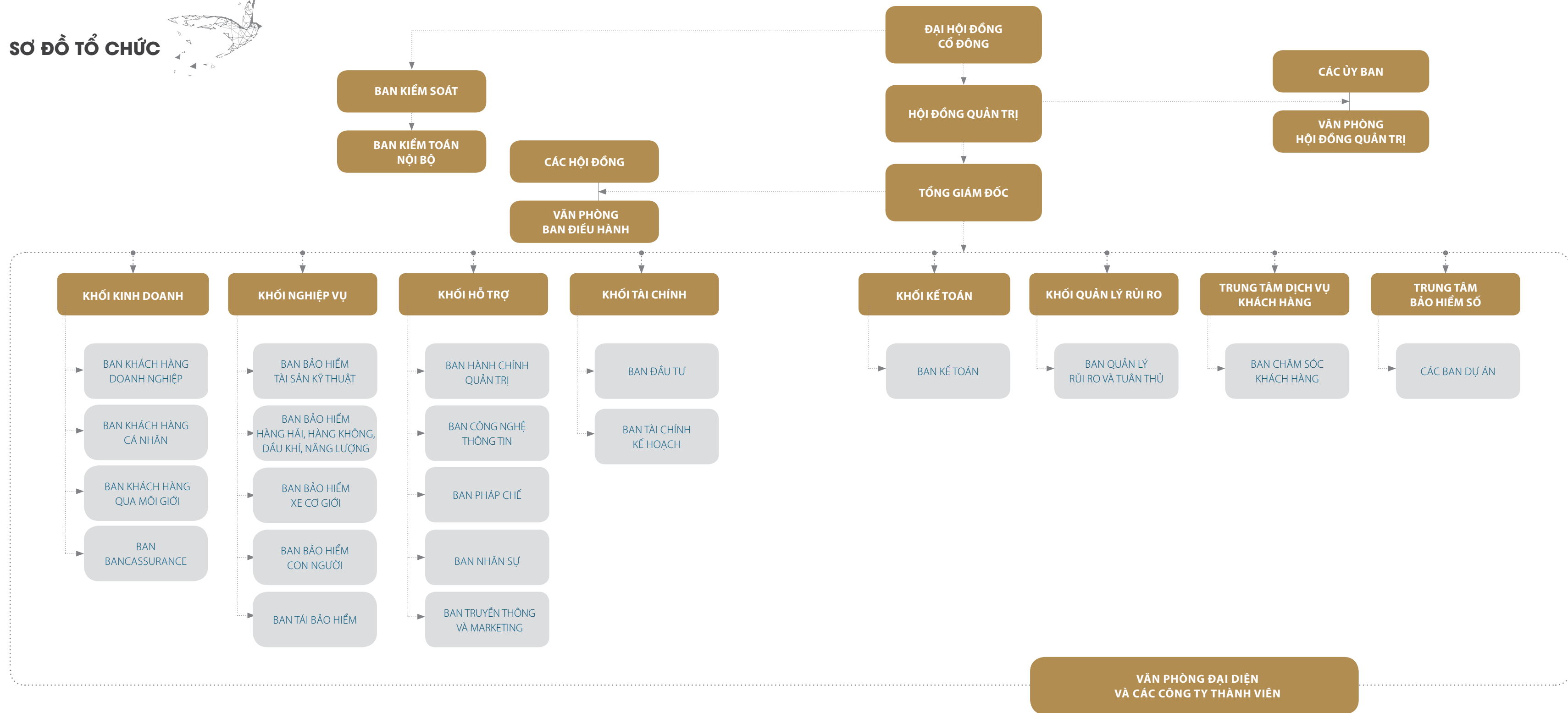
do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam
(Vietnam Report) phối hợp với VietNamNet tổ chức

DANH HIỆU THƯƠNG HIỆU TIN & DÙNG VIỆT NAM NĂM 2019

do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN THÀNH LONG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

01

Ông NGUYỄN VĂN HÙNG

Phó Chủ Tịch Hội đồng Quản trị

02

Ông NGUYỄN HỮU TUẤN

Phó Chủ Tịch Hội đồng Quản trị

03

Ông NGUYỄN VĂN THANH HẢI

Thành viên Hội đồng Quản trị

04

Ông NGUYỄN CỬU TÍNH

Thành viên Hội đồng Quản trị

05

Ông PHAN QUỐC DŨNG

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

06

Bà PHẠM MINH CHÂM

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó TGD Điều hành

07



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



ÔNG NGUYỄN THÀNH LONG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Long tốt nghiệp Cử nhân ngành Kinh tế thương mại, tốt nghiệp khóa lý luận chính trị cao cấp tại Trường Nguyễn Ái Quốc 2.

Ông Nguyễn Thành Long nguyên là Tổng Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN (Eximbank), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC).

Hiện nay, Ông Nguyễn Thành Long đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Chủ tịch HĐQT tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).

01



ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Nguyễn Văn Hùng từng làm việc tại Ngân hàng Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và giữ các trọng trách sau: Phó Giám đốc Chi nhánh An Đông, Trưởng phòng Huy động và tiền gửi tiết kiệm Hội sở, Trưởng phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại hối Hội sở, Kế toán trưởng Hội sở và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).

Hiện nay, Ông Nguyễn Văn Hùng đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

02



ÔNG NGUYỄN HỮU TUẤN
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Tuấn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.

Ông Nguyễn Hữu Tuấn từng làm việc tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp. HCM; Phó Trưởng phòng Tư vấn, Giám đốc pháp lý và tuân thủ nội bộ Công ty CP Chứng khoán Tp. HCM; Giám đốc Tư vấn và tài chính doanh nghiệp Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sài Gòn Tourist.

Hiện nay, Ông Nguyễn Hữu Tuấn đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Phương Đông.

03



ÔNG NGUYỄN VĂN THANH HẢI
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh Hải tốt nghiệp Cử nhân Tài chính – Ngân hàng Đại học Ngân hàng Tp. HCM.

Ông Nguyễn Văn Thanh Hải từng đảm nhiệm nhiều chức vụ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn như: Phó phòng Tín dụng và Bảo lãnh, Phó Giám đốc Chi nhánh Nhà Rồng, Phó Giám đốc Chi nhánh Gia Định, Phó Giám đốc Chi nhánh Long An, Giám đốc Chi nhánh Gia Định, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Ngân hàng Bán lẻ.

Hiện nay, ông Nguyễn Văn Thanh Hải giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

04



ÔNG NGUYỄN CỬU TÍNH
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Cửu Tính tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Ông Nguyễn Cửu Tính từng giữ nhiều chức vụ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn như Thư ký Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng, Phó Giám đốc Chi nhánh Chợ Lớn, Phó Giám đốc Chi nhánh Khánh Hòa, quyền Giám đốc Chi nhánh Củ Chi và Giám đốc Chi nhánh Gia Định.

Hiện nay, Ông Nguyễn Cửu Tính giữ chức vụ thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Giám đốc Chi nhánh Cống Quỳnh Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

05



ÔNG PHAN QUỐC DŨNG
Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Phan Quốc Dũng từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành cửa Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viên Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson.

Hiện nay, Ông Phan Quốc Dũng giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

06



BÀ PHẠM MINH CHÂM
Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Phạm Minh Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, Ngân hàng tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

07

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



BÀ LÊ THỊ THANH BÌNH
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Bình tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh; là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).

Bà Lê Thị Thanh Bình từng giữ những chức vụ tại Bảo Long như: Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Giám đốc Ban Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát.

Hiện nay, Bà Lê Thị Thanh Bình giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long.



BÀ NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Tường Vy tốt nghiệp cử nhân Kinh tế.

Bà Nguyễn Thị Tường Vy có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng và từng giữ các chức vụ: Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng Việt Nam Tín Nghĩa; Chuyên viên cao cấp trực thuộc Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà Nguyễn Thị Tường Vy giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó trưởng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG VÕ HOÀNG DUY TRINH
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Võ Hoàng Duy Trinh tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng – Đại học Ngân hàng và Cử nhân Luật tổng hợp – Đại học Trà Vinh.

Ông Võ Hoàng Duy Trinh có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và từng đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như: Phó phòng Quản lý Rủi ro Vận hành, Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Vận hành tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông Võ Hoàng Duy Trinh giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó Giám đốc Phòng Đào tạo Kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



ÔNG TÔN THẮT DIÊN KHOA
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Tôn Thất Diên Khoa tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế.

Ông Tôn Thất Diên Khoa từng đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng Kinh doanh Ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).

Hiện nay, Ông Tôn Thất Diên Khoa giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long và Giám đốc Đầu tư Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

GIỚI THIỆU
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



ÔNG PHAN QUỐC DŨNG

Thành viên Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Phan Quốc Dũng từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson.

Hiện nay, Ông Phan Quốc Dũng giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

01



BÀ PHẠM MINH CHÂM

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Phạm Minh Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, Ngân hàng tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

02



ÔNG HÀ MINH HIẾU

Kế toán trưởng

Ông Hà Minh Hiếu tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ngành Kế toán – Kiểm toán thuộc Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hiếu có hơn 05 năm kinh nghiệm làm việc tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, đảm nhiệm Chức vụ Trưởng nhóm Kiểm toán; hơn 07 năm làm việc trong ngành bảo hiểm tại Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Long, từng đảm nhiệm các chức vụ Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế hoạch Tổng CTCP Bảo hiểm Bảo Long và Trưởng phòng Kế toán - Tổng hợp Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn.

Hiện nay, ông Hà Minh Hiếu đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

03



ÔNG DƯƠNG QUANG NGỌC

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Dương Quang Ngọc tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Ông Ngọc hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ. Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ tại Bảo Long: Trợ lý Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản - Kỹ thuật, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban Dự án thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Ngọc giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đông Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

04



ÔNG TRẦN THANH NAM

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Trần Thanh Nam tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, chương trình Thạc sĩ Việt - Bỉ (MMVB2).

Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ: Giám đốc Dự án Coca-Cola Beverages Vietnam Ltd, Giám đốc Công ty TNHH XD & TM Giang Nam, Phó Giám đốc Công ty TNHH Bất Động sản Vinaland, Chánh văn phòng HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nam giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

05



ÔNG NGUYỄN NGỌC LÂN

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Nguyễn Ngọc Lân tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh của Đại học Griggs.

Ông Nguyễn Ngọc Lân có hơn 17 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Lân từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Giám đốc Bảo Minh Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Giám đốc Công ty Bảo hiểm SVIC Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nguyễn Ngọc Lân giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng 8 – Sông Hồng & Bắc Sông Hồng, Giám đốc Vùng 9 – Đông Bắc kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

06

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



BÀ LÊ THANH HẰNG

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Bà Lê Thanh Hằng tốt nghiệp Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh điều hành của UBI.

Bà Lê Thanh Hằng có trên 24 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Bà từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Phó Phòng hàng hải, Trưởng phòng hàng hải, Giám đốc Ban Bảo hiểm Hàng hải - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng, Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long. Ngoài ra, Bà Hằng đang là Giảng viên thỉnh giảng của trường Đại học Kinh tế TP HCM.

Hiện nay, Bà Lê Thanh Hằng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng 5 - Tây Nguyên kiêm Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

07



ÔNG ĐOÀN TRỌNG THẮNG

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Đoàn Trọng Thắng tốt nghiệp cử nhân Tài chính – Kế toán tại trường Đại học Kinh tế.

Ông Đoàn Trọng Thắng có hơn 26 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 10 năm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Thắng từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Kế toán trưởng Trung tâm Dịch vụ - Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (Sài Gòn Ford), Trưởng phòng Kinh doanh số 5 - Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng, Phó Giám đốc Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng, Phó Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Đoàn Trọng Thắng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Vùng 2 - Hà Nội kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

08



ÔNG HÀ HOÀNG GIANG

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Hà Hoàng Giang tốt nghiệp Kỹ sư ngành Máy Tàu thủy - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Ông Hà Hoàng Giang có hơn 27 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 22 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông làm việc tại Công ty Vận tải biển Khánh Hòa, Công ty Bảo hiểm PJICO, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Kỹ sư máy tàu viễn dương, Trưởng phòng Khu vực, Trưởng phòng Bảo hiểm Hàng hải, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Ông Hà Hoàng Giang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đồng Phương thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

09



BÀ NGUYỄN THÚY HẰNG

Giám đốc khối kiêm Chánh văn phòng HĐQT

Bà Nguyễn Thúy Hằng tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh trường Đại học Tài chính - Marketing.

Bà Nguyễn Thúy Hằng đã từng đảm nhiệm vị trí Phó phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay Bà Hằng đang giữ chức vụ Giám đốc Khối Hỗ trợ kiêm Chánh Văn phòng HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

10



TRỞ THÀNH CÔNG TY BẢO HIỂM
ĐƯỢC TÍN NHIỆM
HÀNG ĐẦU
VIỆT NAM



**MỤC TIÊU
PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN
2018 - 2023**

Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc gia tăng tiềm lực tài chính; Cải tiến và phát triển danh mục sản phẩm, kênh phân phối; Nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của Khách hàng. Mặt khác, tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng nhân sự, xây dựng hình ảnh Thương hiệu của Bảo Long trên thị trường. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các dự án CNTT để bắt kịp xu thế Insurtech trong thời đại 4.0.



LÀ MỘT TRONG NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM ĐÁNG TIN CẬY, BẢO HIỂM BẢO LONG NHẬN THỨC RÕ VAI TRÒ CỐT LÕI TRONG VIỆC HIỆN THỰC HÓA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG BẰNG CÁC HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ GẮN LIỀN VỚI CÁC YẾU TỐ NỀN TẢNG: XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC GIÀU MẠNH, ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM, PHÁT TRIỂN KINH TẾ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG.



Chung tay xây dựng Đất nước giàu mạnh, tạo công ăn việc làm cho Người Lao động để giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ người nghèo.



Đa dạng sản phẩm bảo hiểm để tạo ra nhiều sự lựa chọn cho Khách hàng, chia sẻ rủi ro với Cộng đồng.



Góp phần ổn định thị trường bảo hiểm, phát triển kinh tế trong nước.



Tiếp sức cho thế hệ trẻ tương lai của Đất nước có điều kiện học tập, trau dồi kiến thức thông qua các công tác từ thiện hàng năm.

CÁC RỦI RO



Trước sự xuất hiện của các rủi ro ngày càng đa dạng, Bảo Long không ngừng nỗ lực xây dựng, hoàn thiện các giải pháp, công cụ để đo lường và giảm thiểu rủi ro. Qua đó, Bảo Long và các Công ty thành viên xác định, phân loại và đánh giá các rủi ro một cách hệ thống, đảm bảo các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả, đảm bảo sự cân bằng giữa quản lý rủi ro và tốc độ tăng trưởng. Việc triển khai thành công khung Quản trị rủi ro Doanh nghiệp vừa giúp Doanh nghiệp tạo dựng được một công cụ hiệu quả vừa tạo thêm giá trị mới và bảo toàn giá trị cho doanh nghiệp.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro chiến lược của Bảo Long có thể phát sinh từ những thay đổi trong chiến lược/ chính sách của Chính phủ về ngành bảo hiểm hay các định chế tài chính và các ngành có liên quan, cũng như phát sinh từ việc Bảo Long định hướng chiến lược không đúng đắn hoặc tập trung vào quá nhiều mục tiêu, phản ứng chậm đối với những thay đổi về xu hướng trong kinh doanh của thị trường,... Bảo Long đã và đang áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ để giảm thiểu rủi ro chiến lược.

RỦI RO VẬN HÀNH

Rủi ro bảo hiểm

Kinh doanh bảo hiểm là hoạt động kinh doanh chính yếu của Bảo Long và trong quá trình đó Bảo Long có thể gặp phải các rủi ro như: rủi ro về thiết kế, phát triển và quản lý sản phẩm, rủi ro về thẩm định và cấp đơn bảo hiểm, rủi ro về giám định bồi thường, rủi ro về giá,...

Để hạn chế rủi ro, Bảo Long luôn chủ động tăng cường hoạt động đánh giá rủi ro cũng như rà soát các điều kiện chấp nhận bảo hiểm có mức độ tác động nhỏ thông qua việc duy trì và phát triển kênh bán lẻ, kênh Bancassurance, hướng đến Khách hàng cá nhân; hạn chế các rủi ro thuộc nhóm có nguy cơ cao, tăng cường đánh giá rủi ro đối với các loại rủi ro bảo hiểm mới, phân loại các rủi ro bảo hiểm, chia sẻ các rủi ro có mức độ tác động lớn thông qua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ, cũng như hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ Cán bộ nhân viên,...

Rủi ro gian lận và trục lợi

Rủi ro gian lận và trục lợi bảo hiểm có thể phát sinh từ hành vi cố tình gian dối, lừa đảo có thể có chủ ý ngay từ khi tham gia bảo hiểm hoặc phát sinh sau khi đã xảy ra rủi ro cho đối tượng bảo hiểm nhằm chiếm đoạt tiền của Bảo Long mà đáng lý ra họ không được hưởng.

Bảo Long đang thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát, thiết lập và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm: quản lý rủi ro, kiểm soát tuân thủ và kiểm toán nội bộ; nâng cao trình độ nghiệp vụ của Cán bộ nhân viên, cũng như nâng cao nhận thức về pháp lý, văn hóa quản lý rủi ro,... để góp phần giảm thiểu rủi ro.



RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc không hoặc không có khả năng không thu hồi được các khoản nợ từ Khách hàng tham gia bảo hiểm và các khoản đầu tư tài chính của Bảo Long tại các Đối tác (tiền gửi Ngân hàng, các công cụ tài chính khác). Bảo Long đã áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp để hạn chế rủi ro này.

Rủi ro thanh khoản

Mục tiêu của Bảo Long là đảm bảo cân đối các dòng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Bảo Long đã xây dựng và áp dụng những biện pháp phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro lãi suất

Với những biến động của thị trường tài chính trong thời gian vừa qua, Bảo Long thường xuyên rà soát để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

Rủi ro hiệu quả đầu tư

Rủi ro hiệu quả đầu tư phát sinh từ những sai lầm về Chiến lược đầu tư không phù hợp năng lực Bảo Long và tình hình thị trường hay việc tập trung quá mức đối với một công cụ tài chính riêng lẻ dẫn đến thiệt hại đối với thu nhập từ đầu tư hay thiệt hại vốn đầu tư của Bảo Long. Để kiểm soát rủi ro này, Bảo Long luôn thận trọng trong việc hoạch định chiến lược đầu tư, tái đánh giá định kỳ hiệu quả từng danh mục đầu tư, cũng như tuân thủ đầy đủ các quy định về giới hạn đầu tư theo quy định pháp luật.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Bảo Long. Đặc biệt trong tình hình hội nhập sâu rộng như hiện nay.



RỦI RO KHÁC

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là các rủi ro phát sinh từ việc tuân thủ các quy định của pháp luật. Hiện nay, Bảo Long đang kiểm soát các rủi ro này bằng việc rà soát, cập nhật các quy định mới để có các biện pháp điều chỉnh phù hợp.

Rủi ro nhân sự

Con người là yếu tố then chốt và chủ yếu đến sự tồn tại và phát triển của Bảo Long. Rủi ro nhân sự là rủi ro phát sinh từ những sai lầm hoặc thiếu sót trong công tác Quản trị nhân sự như: tuyển dụng, đào tạo, chính sách đãi ngộ,... Bảo Long đang hướng đến việc xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp cùng một chính sách thu hút và duy trì nhân sự tối ưu để đảm bảo đời sống của Cán bộ nhân viên, tạo điều kiện cống hiến và phát triển bền vững tại Bảo Long nhằm góp phần hạn chế rủi ro này.

Chương 02

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
KINH DOANH NĂM 2019 VÀ
KẾ HOẠCH KINH DOANH
NĂM 2020**



NHÌN XA **TRÔNG RỘNG**
VỚI **CHIẾN LƯỢC HIỆU QUẢ**



Tổng doanh thu phí Bảo hiểm trong năm 2019

1.225

 Tỷ VND

↑ **12%** So với năm 2018

VỚI CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC ĐÃ ĐỀ RA TRONG NĂM 2020 NHẪM HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 25 NĂM NGÀY THÀNH LẬP, CÙNG SỨ MỆNH “TẠO DỰNG MỘT CỘNG ĐỒNG BÌNH AN VÀ THỊNH VƯỢNG”, BẢO LONG SẼ TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM – DỊCH VỤ BÊN CẠNH VIỆC TIẾP TỤC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ, NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH, TIÊN PHONG TRONG MỌI LĨNH VỰC...



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

Tình hình kinh tế thế giới năm 2020 tiếp tục nằm trong bối cảnh biến động phức tạp khi xung đột chính trị, các chính sách bảo hộ thương mại của các quốc gia tiếp tục gia tăng. Đặc biệt cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ tác động sâu rộng đến tăng trưởng kinh tế và chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy vậy, tâm lý chung của thế giới vẫn khá lạc quan khi Mỹ và Trung Quốc đạt được thỏa thuận giai đoạn một về tranh chấp thương mại, được ký kết vào ngày 15/1, cũng như việc Tổng thống Trump cuối năm 2019 đã ký đưa vào thực thi hiệp định thương mại với Mexico và Canada. Những vấn đề chính trị như bất ổn ở Hong Kong và tình hình Brexit cũng được kỳ vọng giảm mức độ căng thẳng trong năm 2020.

Nền kinh tế toàn cầu năm 2020 được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 2,5%. Trong đó, kinh tế thị trường mới nổi dự báo tăng trưởng 4,1%; trong khi các nền kinh tế phát triển được dự báo giảm xuống 1,4%.

Đối với Việt Nam, quy mô kinh tế của Việt Nam đang tăng nhanh, lần đầu tiên lọt top 50 nền kinh tế thế giới xét về quy mô nền kinh tế. Xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước tăng trưởng tốt trong năm 2019 và được dự báo tiếp tục tăng trưởng trong năm 2020 khi Hiệp định thương mại tự do EU-Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư (IPA) đã được ký kết. Bên cạnh kết quả tốt đạt được từ các doanh nghiệp xuất khẩu, các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành du lịch và lưu trú, giáo dục, năng lượng xanh, năng lượng tái tạo, logistics, công nghệ lưu trữ dữ liệu cũng được dự báo sẽ phát triển trong năm 2020 nhờ hưởng lợi từ các xu hướng chung của thế giới. Các doanh nghiệp thuộc nhóm dịch vụ tiêu dùng, nhóm dịch vụ công nghệ hỗ trợ, nhóm liên quan đến tài chính, đặc biệt là bất động sản cũng rất được các nhà đầu tư quan tâm. Việc ổn định mặt bằng lãi suất, lạm phát; điều hành linh hoạt và kiểm soát tốt biến động về tỷ giá cũng sẽ được tiếp tục thực hiện trong năm 2020.

Trước tình hình kinh tế thế giới và định hướng kinh tế Việt Nam cho năm 2020, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội 2020 với các mục tiêu tổng quát: tiếp tục bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế; hoàn thiện thể chế, khơi thông nguồn lực; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi...

Nghị quyết cũng đặt ra các chỉ tiêu:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,8%;
- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 7%. Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%;
- Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân dưới 4%.

Thành quả tăng trưởng năm 2019 sẽ tạo đà cả về vật chất lẫn tinh thần để thúc đẩy tăng trưởng năm 2020 mặc dù vẫn

còn những dự báo về khó khăn tiềm ẩn. Việt Nam có những thuận lợi cụ thể như: kinh tế vĩ mô của Việt Nam được duy trì ổn định; thương mại được thúc đẩy thông qua thực hiện và tham gia của Việt Nam vào các hiệp định thương mại tự do; sự đóng góp của các khu vực tư nhân ngày càng tăng trong khi đó, tiêu dùng trong nước tiếp tục là động lực với sự gia tăng của tầng lớp trung lưu.

.....
NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU NĂM 2020 ĐƯỢC DỰ BÁO SẼ TĂNG TRƯỞNG Ở MỨC 2,5%. TRONG ĐÓ, KINH TẾ THỊ TRƯỜNG MỚI NỔI DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG 4,1% TRONG KHI CÁC NỀN KINH TẾ PHÁT TRIỂN ĐƯỢC DỰ BÁO GIẢM XUỐNG 1,4%.



TRIỂN VỌNG NGÀNH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VIỆT NAM

Tình hình bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam năm 2019 có những chuyển đổi tích cực so với năm 2018. Dự báo trong năm 2020 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức cao và có nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp bảo hiểm phát triển doanh thu, thị phần. Động lực tăng trưởng của thị trường này sẽ bao gồm 4 trụ cột: doanh số bán xe hơi mới tăng nhanh; tăng trưởng xuất khẩu ổn định; tầng lớp trung lưu ngày càng gia tăng nhanh chóng; và cuối cùng là sự gia tăng trong đầu tư về cơ sở hạ tầng.

Bên cạnh sự tăng trưởng được kỳ vọng cao thì sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ cũng

sẽ được các doanh nghiệp chú trọng hơn trong thời gian tới. Ngoài các sản phẩm truyền thống hiện nay vẫn giữ vai trò cốt lõi như bảo hiểm xe cơ giới, tài sản, sức khỏe, phươg tiện... thì nhiều doanh nghiệp đang đưa ra những sản phẩm mới phù hợp theo nhu cầu ngày càng gia tăng của khách hàng.

Về kênh phân phối cho các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, doanh thu ở các kênh hiện đại có xu hướng tăng do: tầng lớp trung lưu tăng lên nhanh chóng làm gia tăng nhu cầu dùng các dịch vụ của ngân hàng, trong đó có bảo hiểm; sự phát triển nhanh chóng của internet, chi phí cho công nghệ số hóa thấp làm tăng cơ hội để phát triển hoạt động số hóa sản phẩm bảo hiểm.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)**



KẾT QUẢ TÀI CHÍNH



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| Chỉ tiêu | KH 2019 triệu đồng | TH 2019 triệu đồng | HTKH % |
|---|-----------------------|-----------------------|---------------|
| Hoạt động kinh doanh bảo hiểm | | | |
| - Doanh thu phí bảo hiểm | 1.270.000 | 1.224.878 | 96,4% |
| - Chi phí hoạt động kinh doanh BH | (1.203.637) | (1.158.610) | 96,3% |
| - Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 66.363 | 66.268 | 99,9% |
| Hoạt động đầu tư tài chính | | | |
| - Doanh thu đầu tư tài chính | 86.086 | 94.398 | 109,7% |
| - Chi phí đầu tư tài chính | (10.339) | (7.278) | 70,4% |
| - Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính | 75.747 | 87.120 | 115,0% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | (103.521) | (100.538) | 97,1% |
| Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế | 38.589 | 52.850 | 137,0% |

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

| Chỉ tiêu | KH 2019 | TH 2019 | HTKH % |
|------------------------|-----------|-----------|--------|
| Quý dự phòng nghiệp vụ | 601.954 | 566.779 | 94,2% |
| Vốn chủ sở hữu (*) | 694.534 | 675.143 | 97,2% |
| Danh mục đầu tư | 1.015.768 | 1.124.808 | 110,7% |
| Tổng tài sản | 2.100.000 | 1.996.196 | 95,1% |

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

Doanh thu
Phí bảo hiểm 2019
1.225
Tỷ VND
↑ 12%
So với năm 2018

Tỷ lệ chi phí bồi thường
(Gốc và nhận tái)
40,5%

Doanh thu từ phí bảo hiểm

Năm 2019, doanh thu từ phí bảo hiểm đạt 1.224.878 triệu đồng, tăng trưởng 12% so với năm 2018, hoàn thành 96,4% kế hoạch đề ra.

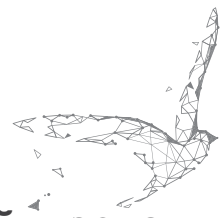
Chi phí bồi thường

Tỷ lệ chi phí bồi thường trên tổng doanh thu năm 2019 là 40,5%. Trong đó, tỷ lệ bồi thường hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc đã giảm từ 42,5% tại thời điểm 31/12/2018 còn 41,3% tại thời điểm 31/12/2019. Tỷ lệ bồi thường hoạt động nhận tái năm 2019 là 30,2%, giảm mạnh so với tỷ lệ bồi thường cùng kỳ năm 2018 (37,7%).

Chi phí hoa hồng bảo hiểm, chi phí bán hàng và chi phí khác hoạt động kinh doanh tại các đơn vị kinh doanh

Tỷ lệ chi phí hoa hồng, chi phí bán hàng và chi phí khác (chi phí dự phòng dao động lớn và chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) cho mục đích hoạt động kinh doanh trực tiếp trên tổng doanh thu 2019 tương đương kế hoạch đề ra và không biến động so với năm 2018.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2019



KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2019

NĂM 2019 LÀ NĂM THỨ HAI BẢO LONG TRIỂN KHAI 8 NHÓM GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN 5 NĂM, TỪ NĂM 2018 ĐẾN NĂM 2022. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2019 CỦA TỪNG NHÓM GIẢI PHÁP NHƯ SAU:

01 KÊNH PHÂN PHỐI



1. Mạng lưới bán lẻ truyền thống là các đơn vị thành viên

Trong năm 2019, Doanh thu từ phí bảo hiểm khai thác tại các đơn vị thành viên đạt 957 tỷ đồng, hoàn thành 87% kế hoạch, tăng trưởng 4% so với cùng kỳ năm 2018.

Xét về tính chất của các đơn vị, có 3 nhóm đơn vị với kết quả doanh thu như sau:

- Nhóm các đơn vị ổn định đang hoạt động ổn định bao gồm 33 đơn vị có doanh thu đạt 853 tỷ, tương ứng với 91% kế hoạch, tăng trưởng 7,7%.
- Nhóm các đơn vị đang tái cấu trúc bao gồm 11 đơn vị có tổng doanh thu đạt 84 tỷ, tương ứng với 65% kế hoạch, tăng trưởng âm 19%.
- Nhóm các đơn vị cần tái cấu trúc bao gồm 2 đơn vị có tổng doanh thu đạt 20 tỷ, tương ứng với 56% kế hoạch, tăng trưởng âm 22%.

Kết quả doanh thu bảo hiểm của các đơn vị trong năm 2019 có tăng trưởng tuy nhiên không đạt được như dự kiến là do một số nguyên nhân như sau:

- Một số đơn vị như Thái Nguyên, Đông Đô, Tân Sơn Nhất đã thực hiện tái cấu trúc trước năm 2019 nhưng vẫn chưa bổ sung được nguồn nhân lực đầy đủ để thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Ngoài ra, một số đơn vị khác như trong quá trình hoạt động đã phát sinh các vấn đề về quản lý, nhân sự, tài chính,... Theo đó để đảm bảo uy tín trên thị trường, ngăn chặn rủi ro tài chính, nhân sự... Ban điều hành đã thực hiện việc tái cấu trúc đơn vị trong năm 2019 (Nam Định, Tây Ninh, Bình Thuận, Cà Mau, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Kiên Giang) hoặc dự kiến tái cấu trúc (Thăng Long, Gia Lai), chấp nhận mất doanh thu trong ngắn hạn để xây dựng lại nền tảng hoạt động của các đơn vị này trong tương lai.

- Trong khi thị trường nhập khẩu xe cơ giới vẫn chưa tăng trưởng như kỳ vọng vì các rào cản về thuế quan, Bảo Long vẫn tiếp tục triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng quản lý đối với nhóm nghiệp vụ này. Nhóm nghiệp vụ xe cơ giới cũng là nhóm nghiệp vụ chiếm tỷ trọng chủ đạo trên toàn hệ thống, từ đó tốc độ tăng trưởng của nhóm nghiệp vụ này bị ảnh hưởng và ảnh hưởng đến kết quả tăng trưởng của toàn bộ danh mục nói chung.

2. Bancassurance

Về mặt doanh thu, năm 2019, doanh thu khai thác thông qua Bancassurance đạt 318.472 triệu đồng, hoàn thành 94% kế hoạch doanh thu Bancassurance toàn hệ thống, so với cùng kỳ năm ngoái tăng 11% (Doanh thu Bancassurance năm 2018 đạt 286.964 triệu đồng).

Về mạng lưới ngân hàng liên kết, năm 2019, Bancassurance đã thực hiện tăng cường mở rộng và củng cố mạng lưới ngân hàng liên kết, cụ thể như sau:

- Ký kết thành công hợp đồng và triển khai hợp tác với các đối tác mới: HDBank, Eximbank. Tuy nhiên vẫn chưa đạt được mục tiêu tái ký kết hợp tác với ACB;
- Đang trong quá trình thỏa thuận và xúc tiến hợp tác với các ngân hàng: Kiên Long Bank, VIB;
- Nâng cao mức độ hợp tác: SCB, TPB, Sacombank, OCB, Bản Việt.

Thông qua mạng lưới ngân hàng liên kết, doanh thu Bancassurance đang trên đà tăng trưởng ổn định. Trong đó, SCB, TPBank, VIB và Bản Việt là 04 Ngân hàng chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất đạt 52%; Doanh thu SCB năm 2019 có phần sụt giảm, không đạt được kỳ vọng như kế hoạch đề ra (kế hoạch 85 tỷ, hoàn thành doanh thu gần 58 tỷ - 68%).

3. Môi giới

Trong năm 2019, Bancassurance qua Môi giới đạt 68.119 triệu đồng doanh thu từ phí bảo hiểm, hoàn thành 136% kế hoạch đề ra, tăng trưởng 93% so với cùng kỳ năm trước.

Đặc biệt, Bancassurance qua Môi giới đã tiếp cận thành công với một số khách hàng lớn mang lại nguồn doanh thu đáng kể trong năm 2019. Ngoài ra các dịch vụ lớn đã triển khai trong năm 2018 vẫn được duy trì và phát triển: BH trách nhiệm với các ngân hàng SCB, Tiên Phong, BH sức khỏe qua MSH.

4. Ban KH Doanh nghiệp

Năm 2019, Bancassurance đã đạt doanh thu là 27.926 triệu đồng, hoàn thành vượt 40% kế hoạch.

5. Ban KH Cá nhân

Trong năm 2019, Bancassurance hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh. Ngoài việc phát triển sản phẩm sức khỏe toàn diện và Bảo Long Care, Bancassurance vẫn tiếp tục hợp tác đại lý với các tổ chức bán lẻ và các đối tác chuyên bán sản phẩm du lịch như: Nhất Chính, Quý tín dụng nhân dân, Bakco...

6. Mobilassurance

Trong năm 2019, doanh thu kênh Mobilassurance đạt 26.192 triệu đồng, biến động giảm 4.8% so với cùng kỳ năm 2018 đến từ việc điều chỉnh quy mô dự án vào thời điểm quý 1 năm 2019 và sự sụt giảm trong chất lượng data khai thác mới.

7. Online

Kênh Online đang được triển khai với 3 phân khúc chính:

- Nhóm khách hàng trực tiếp:
 - Hoàn thiện website và tính năng mua hàng trực tuyến đối với các dòng sản phẩm cơ bản dành cho cá nhân (Bảo hiểm TNDSSB XCG, Nhà tư nhân, Golden Travel, TNCN 24/24);
 - Bổ sung tính năng bán hàng tương tác, thông qua đội ngũ Telesale để tư vấn và chốt dịch vụ (Bảo Tâm An, Golden Health).
- Nhóm đại lý trực tuyến: đã ký kết thành công với hai đối tác bán hàng trong năm 2019, tuy nhiên chưa triển khai được do chưa thống nhất được mô hình vận hành và chưa hoàn thiện về hạ tầng kỹ thuật.
- Tích hợp với app và IMB của các Ngân hàng để triển khai bán hàng.
 - Tích hợp kênh bán Online với đối tác thương mại điện tử MoMo;
 - Cuối năm 2019 đã hoàn tất ký kết hợp tác triển khai gói sản phẩm ExtraCare với đối tác sở hữu chuỗi hơn 200 nhà thuốc trên toàn quốc. Đầu 2020 đã chính thức vận hành việc bán sản phẩm qua app ExtraCare của đối tác và đã có ghi nhận những hợp đồng đầu tiên.

Tuy nhiên, việc bán hàng qua kênh Online vẫn chưa đạt được như kỳ vọng mong muốn, do chưa việc hợp tác với các đối tác chưa phát huy được hết nguồn lực.

8. Nhận tái

Trong năm 2019, doanh thu nhận tái đạt 88.130 triệu đồng, hoàn thành 110% kế hoạch.

02 SẢN PHẨM



Hệ thống sản phẩm đang dần được nâng cấp và đa dạng hơn. Cụ thể:

- Cải tiến các sản phẩm hiện hữu: Xe cơ giới, Du lịch, An tâm tín dụng.
- Triển khai các sản phẩm mới: Gói bảo hiểm vật chất và các rủi ro đặc biệt của xe máy (Golden bike); gói bảo hiểm cho cá nhân (bao gồm trách nhiệm cá nhân); trách nhiệm cho công ty tài chính, chứng khoán, quản lý quỹ; tín dụng xuất nhập khẩu và cung ứng nội địa...
- Hoàn tất hệ thống TPA và Direct billing cho sản phẩm sức khỏe.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)



KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)



03 NGUỒN NHÂN LỰC



- Năm 2019, Bảo Long đã xây dựng phần mềm quản lý nhân sự, dự kiến bắt đầu triển khai trong quý I năm 2020. Hệ thống hồ sơ nhân sự cũng được hoàn thiện và nâng cao tính pháp lý. Quy chế lương cùng hệ thống KPI tiếp tục được chỉnh sửa hoàn thiện để phù hợp hơn với tình hình thực tế.
- Văn hóa doanh nghiệp từng bước được định hình và xây dựng thông qua các hoạt động nội bộ bao gồm các nội dung hợp chiến lược, thảo luận nội bộ, các hoạt động truyền thông nội bộ định kỳ hàng tháng, các hoạt động cộng đồng.
- Các khóa đào tạo trực tuyến E-learning được triển khai thường xuyên, định kỳ đến tất cả các đối tượng cán bộ nhân viên của Bảo Long từ các quy định cơ bản về Bảo Long, cũng như các kiến thức cơ bản liên quan đến sản phẩm và các nghiệp vụ bảo hiểm hoặc nghiệp vụ liên quan đến vị trí công việc.

04 THƯƠNG HIỆU

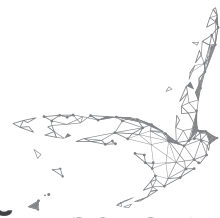


Về truyền thông, trong năm Bảo Long đã thực hiện:

- Quảng bá tại các kênh truyền thống: các báo Đầu tư chứng khoán, Thời báo Kinh tế VN, Báo điện tử Doanh Nghiệp, báo Đầu Tư, báo Tiền Phong, báo Sài Gòn Đầu Tư Tài Chính, báo Đặc San Bảo Hiểm... và các kênh truyền thông điện tử như:
 - » <http://toptenvietnam.vn>
 - » <http://vietnamreport.net>
 - » <http://vietnamnet.vn>
 - » <http://tinnhanhchungkhoan.vn...>
- Hỗ trợ các Phòng Ban hoàn thiện các tài liệu truyền thông: Bộ ấn phẩm Xe Cơ giới, bộ sale Kit, các mẫu quảng cáo sản phẩm...;
- Kết hợp cùng với các đối tác thực hiện Marketing và truyền thông, đặc biệt là việc hợp tác với tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel thực hiện truyền thông cho sản phẩm Bảo Tâm An;
- Thực hiện loạt chương trình Marketing và Truyền thông nội bộ, giúp nâng cao nhận thức, sự gắn kết của CBNV đối với Bảo Long: Chương trình chạy bộ từ thiện Run for Fund, chương trình Ôn Giỏi, chương trình Phụ nữ Quyền năng, chương trình Truy tìm QR Code và chương trình Giáng Sinh, chào năm mới;
- Tổ chức thành công cuộc thi ảnh du lịch quy mô toàn hệ thống, thu hút 2.205 lượt chia sẻ, hơn 100.000 lượt tiếp cận và gần 15.000 lượt tương tác trên mạng xã hội Facebook;
- Tổ chức thành công chương trình du lịch Thái Lan kết hợp team building cho CBNV;
- Hoàn chỉnh báo cáo thường niên năm 2018;
- Ký kết thành công cùng Quỹ Tình Thương Việt. Đưa Thương hiệu Bảo Long tiến đến các giá trị nhân văn;
- Hoàn thiện đổi mới biển hiệu tại Trụ Sở chính.

Ngoài ra Bảo Long đã đạt được nhiều giải thưởng trong năm 2019: Thương hiệu Mạnh Việt Nam, Top 20 Thương hiệu mạnh phát triển bền vững - sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao VN, Giải thưởng Tin & Dùm Việt Nam (2019).

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)



KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)

05 QUY TRÌNH KINH DOANH



Nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng quản lý rủi ro của Bảo Long, trong năm 2019, Bảo Long đã ban hành nhiều quy định chấn chỉnh quy trình khai thác, bồi thường:

- Hoàn tất các quy trình hỗ trợ bán hàng: Hoàn thiện vận hành hệ thống Call Center (bao gồm tư vấn, giải đáp nhu cầu của KH, điều phối việc khai báo tai nạn cho toàn hệ thống...);
- Hoàn tất triển khai mô hình Nhập liệu tập trung để chuẩn hóa dữ liệu đầu vào;
- Triển khai chính thức quy định về quản lý hóa đơn ấn chỉ, quy định chặt chẽ về thủ tục cấp phát, công tác quyết toán định kỳ và nâng cao khả năng quản lý đến từng khai thác viên;
- Hoàn thiện quy định về quản lý công nợ;
- Ban hành quy định về việc kiểm soát thu phí và thực hiện kiểm soát ngay trên hệ thống, giảm rủi ro trực lợi bảo hiểm;
- Triển khai cấp Giấy chứng nhận online.

Hoàn tất quy trình giám định bồi thường từ lúc tiếp nhận đến giải quyết hoàn tất nhằm tăng cường khả năng hỗ trợ bồi thường cho nghiệp vụ vật chất xe và kiểm soát chi phí bồi thường, bao gồm: hệ thống giám định xe cơ giới, cơ sở dữ liệu giá sửa chữa và phụ tùng xe cơ giới, ký hợp đồng liên kết các Gara trên toàn quốc.

06 NĂNG LỰC TÀI CHÍNH



Theo chiến lược 5 năm, Bảo Long vẫn đang làm việc và tiếp xúc với một số nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện việc tăng vốn lên 1.000 tỷ đồng vào cuối năm 2022.



07 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Để đáp ứng yêu cầu kinh doanh của cả hệ thống, Ban CNTT luôn hỗ trợ hệ thống kịp thời cho các ban Trụ sở chính và đơn vị thành viên. Trong năm 2019, Ban CNTT đã hoàn thành một số dự án:

- Hoàn thiện quy trình cấp đơn online cho các sản phẩm Hàng hải, Xe cơ giới, Bảo Tâm An;
- Hoàn thiện ứng dụng phân hệ giám định bồi thường online trên điện thoại di động;
- Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu giá sửa chữa và phụ tùng xe cơ giới;
- Triển khai áp dụng hóa đơn điện tử;
- Website bán hàng và kết nối dành cho các đối tác của Bảo Long;
- Web bán hàng online sản phẩm BTA cho nội bộ Bảo Long;
- Web hỗ trợ tính phí cho sản phẩm xe cơ giới;
- Cổng thanh toán điện tử tích hợp OnePay dùng cho toàn bộ sản phẩm của Bảo Long;
- Chuyển đổi nâng cấp hạ tầng từ CMC về trung tâm hạ tầng Quang Trung.

08 QUẢN LÝ RỦI RO



Năm 2019, Bảo Long đã hoàn tất việc trình HĐQT thông qua Chiến lược QLRR đến 2022 và kết quả đánh giá hiện trạng danh mục rủi ro trong hoạt động kinh doanh, cũng như Khẩu vị rủi ro trong hoạt động kinh doanh tại Bảo Long trong thời gian tới.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã thực hiện các quy định tăng cường quản lý rủi ro hoạt động:

- Thường xuyên rà soát và toàn thành điều chỉnh các quy trình kinh doanh;
- Triển khai hoạt động cấp đơn online, duyệt giá online... để hỗ trợ công tác quản lý kinh doanh, cũng như gia tăng tiện ích cho ĐVTV;
- Hoạt động kiểm tra ĐV được cải thiện theo hướng linh hoạt hơn để tiết giảm tối đa thời gian tác nghiệp của ĐVKD, nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu quản lý;
- Kiểm soát thường xuyên các đơn vị thành viên nhằm hạn chế tình trạng khai thác, bồi thường sai quy định;
- Kiểm tra liên tục tình hình bồi thường tại các đơn vị và ban hành các quy định về kiểm soát bồi thường xe cơ giới, thực hiện xử lý đối với các đơn vị có tỷ lệ bồi thường cao nhằm kéo giảm tỷ lệ bồi thường toàn hệ thống.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP KINH DOANH 2020



TRONG NĂM 2020, TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG TIN RẰNG VỚI TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC DÀI HẠN, BẢO LONG SẼ MANG ĐẾN NHỮNG DỊCH VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP TOÀN DIỆN CHO KHÁCH HÀNG, HƯỚNG TỚI NÂNG CAO PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN, CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ, RA MẮT CÁC SẢN PHẨM TÍCH HỢP DÀNH CHO KHÁCH HÀNG, NÂNG CAO TÍNH CẠNH TRANH THỊ TRƯỜNG VỚI MỤC TIÊU “NÂNG TẦM CAO MỚI”.

KÊNH PHÂN PHỐI

Mở rộng và đa dạng hóa mạng lưới phân phối sản phẩm là động lực để tăng trưởng doanh số và thị phần



SẢN PHẨM

Hệ thống sản phẩm đa dạng và ưu việt, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng



NGUỒN NHÂN LỰC

Nâng cao năng lực và sự gắn kết của đội ngũ nhân viên



THƯƠNG HIỆU

Nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu tại thị trường Việt Nam



QUY TRÌNH KINH DOANH

Cải tiến quy trình kinh doanh đáp ứng được yêu cầu của khách hàng cũng như nhu cầu quản trị nội bộ



NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Mở rộng quy mô nguồn vốn chủ sở hữu và tăng cường quản lý chất lượng tài sản



CÔNG NGHỆ

Áp dụng những tiến bộ của công nghệ để tạo ra động lực và cơ hội phát triển cho toàn hệ thống



QUẢN LÝ RỦI RO

Xây dựng được ERM phù hợp với sự phát triển của hệ thống và thách thức của thị trường



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP KINH DOANH 2020 (tiếp theo)



1520
TỶ VNĐ



KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 2020

Các chỉ tiêu tài chính kế hoạch của Bảo Long năm 2020 được trình bày trong bảng dưới đây:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| Chỉ tiêu | TH 2019 triệu đồng | % | KH 2020 triệu đồng | % | % tăng trưởng |
|---|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|------------------|
| Hoạt động kinh doanh bảo hiểm | | | | | |
| - Doanh thu phí bảo hiểm | 1.224.878 | 100,0% | 1.520.000 | 100,0% | 24,1% |
| - Chi phí hoạt động kinh doanh BH | (1.158.610) | -94,6% | (1.445.796) | -95,1% | 24,8% |
| - Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 66.268 | 5,4% | 74.204 | 4,9% | 12,0% |
| Hoạt động đầu tư tài chính | | | | | |
| - Doanh thu đầu tư tài chính | 94.398 | 7,7% | 96.084 | 6,3% | 1,8% |
| - Chi phí đầu tư tài chính | (7.278) | -0,6% | (8.294) | -0,5% | 14,0% |
| - Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính | 87.120 | 7,1% | 87.790 | 5,8% | 0,8% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | (100.538) | -8,2% | (122.323) | -8,0% | 21,7% |
| Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế | 52.850 | 4,3% | 39.671 | 2,6% | -24,9% |

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

| Chỉ tiêu | TH 2019 triệu đồng | KH 2020 triệu đồng | % tăng trưởng |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------|
| Quỹ dự phòng nghiệp vụ | 566.779 | 690.811 | 21,9% |
| Vốn chủ sở hữu (*) | 675.204 | 675.597 | 0,1% |
| Danh mục đầu tư | 1.124.808 | 1.158.307 | 3,0% |
| Tổng tài sản | 1.996.196 | 2.150.000 | 7,7% |



NGUỒN
NHÂN LỰC
LÀ TÀI SẢN
“VÔ GIÁ”
CỦA CÔNG TY



Tổng số nhân viên
đến Tháng 12 /2019

945

Nhân viên

Lao động có trình độ
Đại học & Sau đại học

68%

lao động

Chế độ lương, thưởng của Bảo Long cạnh tranh, gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc của mỗi cá nhân khi thực hiện công việc. Bên cạnh đó, Bảo Long cũng quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của Người lao động thể hiện qua các chính sách phúc lợi như: chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ cho CBNV, tổ chức cho CBNV nghỉ mát hàng năm, trang bị bảo hiểm kết hợp sức khỏe và tai nạn, bảo hiểm xe máy cho CBNV hàng năm, tặng quà hiện kim cho CBNV nhân ngày sinh nhật, các ngày Lễ trong năm...



Chương **03**

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

PHỤNG SỰ **CỘNG ĐỒNG**
VỚI **GIÁ TRỊ NHÂN VĂN**



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NÓI CHUNG VÀ BẢO LONG NÓI RIÊNG THÌ BA YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP LÀ: NÂNG CAO NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG, ĐÓNG GÓP CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG. TRONG NHỮNG YẾU TỐ ĐÓ THÌ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP LÀ YẾU TỐ CỐT LÕI.

Nhận biết được tầm quan trọng của Quản trị Doanh nghiệp, trong thời gian qua, Bảo Long luôn rà soát và điều chỉnh mô hình hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và tiếp cận các chuẩn mực Quốc tế để kiện toàn bộ máy hoạt động, đảm bảo tính minh bạch trong việc quản lý, điều hành, phân cấp, ủy quyền và các nguyên tắc về kiểm tra, kiểm soát,... từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Song song đó, Bảo Long cũng đã ban hành một hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của mình một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của Cổ đông và hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm Khách hàng, Người Lao động và Cộng đồng.



XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN



ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

BẢO LONG LUÔN HOẠT ĐỘNG TRÊN TINH THẦN THƯỢNG TÔN PHÁP LUẬT.

Bảo Long luôn hoạt động trên tinh thần thượng tôn pháp luật. Với tôn chỉ đó, Bảo Long xác định việc tuân thủ quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng các cơ hội trao đổi hợp tác giữa Bảo Long và các Cơ quan ban ngành sẽ hỗ trợ tích cực cho sự phát triển bền vững. Bảo Long đã, đang và sẽ thường xuyên cập nhật thông tin và đóng góp ý kiến thông qua Hiệp Hội Bảo Hiểm; cử Cán bộ nhân viên tham gia các Hội thảo chuyên ngành về bảo hiểm, Hội thảo liên quan tới phổ biến những sửa đổi, bổ sung về chính sách, pháp luật bảo hiểm của Nhà nước,... để tăng cường trao đổi cũng như đưa ra những ý kiến đóng góp mang tính thiết thực và hỗ trợ cho sự phát triển của Bảo Long nói riêng và của toàn ngành bảo hiểm nói chung.



ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

BẢO LONG TIẾP TỤC TẬP TRUNG XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ DỰA TRÊN NIỀM TIN, UY TÍN ĐẢM BẢO TỐI ĐA GIÁ TRỊ VÀ LỢI ÍCH.

Năm 2018 Bảo Long tiếp tục tập trung xây dựng Thương hiệu uy tín đi đôi với việc tạo dựng niềm tin bền vững với Nhà đầu tư, Cổ đông:

Phát triển hiệu quả, gia tăng giá trị tài sản

- Thực hiện Quản trị Công ty tốt để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Bảo toàn và gia tăng giá trị tài sản, bao gồm Tài sản hữu hình và Tài sản vô hình của Doanh nghiệp, qua đó gia tăng giá trị Cổ đông.

Tạo dựng kênh truyền thông, đối thoại mở

- Tạo lập và duy trì các kênh thông tin hiệu quả cho Nhà đầu tư, Cổ đông có thể tiếp cận dễ dàng...Nâng cao các kênh đối thoại mở và liên tục với các bên liên quan để chuyển tải hiệu quả, kịp thời các chiến lược mang lại giá trị cho Nhà đầu tư, Cổ đông.

Minh bạch thông tin tài chính

- Minh bạch số liệu tài chính, hiệu quả kinh doanh tạo nguồn thông tin chính xác cho các Nhà đầu tư, Cổ đông có nhu cầu đầu tư vào Bảo Long. Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

VỚI PHƯƠNG CHÂM “ĐỒNG HÀNH, ĐỒNG CHIA SẺ” BẢO LONG KHÔNG NGỪNG CẢI TIẾN ĐỂ MANG LẠI DỊCH VỤ TỐT NHẤT CHO CÁC KHÁCH HÀNG.

Bảo Long cam kết mang đến cho Khách hàng những sản phẩm phù hợp và dịch vụ nhanh chóng, kịp thời thông qua hệ thống phân phối đa dạng, trải rộng như qua kênh Bancassurance, kênh Môi giới, Mobilassurance...Đặc biệt là dịch vụ bồi thường nhanh chóng và chính xác. Ngoài ra, Bảo Long liên tục nâng cấp mạng lưới chăm sóc Khách hàng và Trung tâm chăm sóc Khách hàng tập trung (call center) hỗ trợ 24/7.

Với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, các dịch vụ sau khi xảy ra tổn thất cần được giải quyết nhanh chóng để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Khách hàng. Đến nay, Bảo Long đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống Giám định ngành dọc và đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, Bảo Long luôn rà soát và cải tiến các quy trình giám định – bồi thường theo hướng nhanh gọn và hiệu quả, nhằm giảm bớt thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

“CON NGƯỜI LÀ TÀI SẢN VÔ GIÁ”, GÓP PHẦN HIỆU QUẢ VÀO KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BẢO LONG

Đối với Bảo Long, “Con người là tài sản vô giá”. Chế độ đãi ngộ với mức lương hấp dẫn, Bảo Long luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh, để tập thể cán bộ nhân viên Bảo Long phát huy hết khả năng, góp phần hiệu quả vào kết quả hoạt động kinh doanh của Bảo Long.

Bảo Long cam kết đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách lương, thưởng, phúc lợi cho Người Lao động theo quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước.



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG



LÀ MỘT DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ, CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BẢO LONG TÁC ĐỘNG KHÔNG ĐÁNG KỂ ĐẾN MÔI TRƯỜNG. NHẪM GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XANH SẠCH, TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BẢO LONG LUÔN QUAN TÂM ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN HÀNH TÒA NHÀ: AN NINH TRẬT TỰ, BẢO TRÌ HỆ THỐNG KỸ THUẬT, QUẢN LÝ VIỆC THU GOM RÁC, QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ XUNG QUANH, ĐỒNG THỜI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NHẪM TẠO KHÔNG GIAN LÀM VIỆC HOÀN HẢO CHO NHÂN VIÊN VÀ CAM KẾT CHUNG TAY VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỂ XÂY DỰNG MỘT MÔI TRƯỜNG XANH SẠCH, AN TOÀN VÀ BỀN VỮNG.

TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

Vấn đề năng lượng và tiết kiệm năng lượng luôn được đặc biệt chú trọng. Bảo Long có chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện, nước, sử dụng các thiết bị điện thông minh ít tổn năng lượng và khí thải.

Giải pháp tiêu thụ điện hiệu quả

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27 ° C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hoà...
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h.
- Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ...) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử...).
- Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường...).



CHẤT THẢI RẮN

Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong Công ty. Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả...

Giải pháp xử lý

- Tại mỗi tầng của tòa nhà, Bảo Long đều trang bị các thùng đựng rác để thu gom rác.
- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh Công ty dọn dẹp trong từng phòng và quét dọn hành lang, bãi xe và khu vực xung quanh tòa nhà.
- Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa công ty.

Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in tài liệu.
- Tái sử dụng văn phòng phẩm có nguồn gốc từ khai thác tài nguyên như: sử dụng giấy 1 mặt để in các tài liệu tham khảo, sử dụng bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa đã qua sử dụng...

CHẤT THẢI KHÍ

Chất thải khí phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông:

- Các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà.
- Các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường Điện Biên Phủ.
- Sự gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí sẽ kéo theo các tác động về sức khỏe của nhân viên trong Công ty.

Biện pháp và quy trình xử lý kỹ thuật

- Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- Tắt máy xe khi đi vào Công ty.
- Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại Bảo Long.
- Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà Công ty.
- Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng.

Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Bảo Long luôn bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc để bảo vệ sức khỏe của Người Lao động.

ỨNG DỤNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG

Sử dụng phần mềm quản lý văn bản online tạo điều kiện cho các đơn vị trên toàn hệ thống cập nhật liên tục các văn bản, chính sách từ Bảo Long. Điều này vừa giúp tiết kiệm chi phí in ấn và phí chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.

Tăng cường sử dụng cầu truyền hình và các phương tiện kỹ thuật tiên tiến để tổ chức các cuộc họp giữa các Đơn vị xa địa bàn nhằm tiết kiệm chi phí đi lại.

Chương 04

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH
NĂM 2019**



TIỀM LỰC **VỮNG MẠNH**
ĐỂ **BAY CAO - XA**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội Đồng Quản Trị

| | |
|--------------------------|--|
| Ông Nguyễn Thành Long | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Văn Hùng | Phó Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Hữu Tuấn | Phó Chủ tịch |
| Ông Phan Quốc Dũng | Thành viên |
| Bà Phạm Minh Châm | Thành viên |
| Ông Nguyễn Cửu Tính | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Thanh Hải | Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019) |
| Ông Đặng Đức Huy | Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019) |

Ban Điều Hành

| | |
|-------------------------|---|
| Ông Phan Quốc Dũng | Tổng Giám đốc |
| Bà Phạm Minh Châm | Phó Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Tài chính |
| Ông Hà Minh Hiếu | Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2019) |
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga | Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2019) |

Ban Kiểm Soát

| | |
|------------------------|------------|
| Bà Lê Thị Thanh Bình | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Tường Vy | Thành viên |
| Ông Võ Hoàng Duy Trinh | Thành viên |
| Ông Tôn Thất Diên Khoa | Thành viên |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ❖ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ❖ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- ❖ Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Ông **Phan Quốc Dũng**
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2020, từ trang 4 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán số 0488-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 3 năm 2020
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Trần Văn Đặng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán số 4142-2017-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DNPNT

Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.749.934.164.717 | 1.493.150.190.543 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 347.704.234.926 | 467.529.651.751 |
| 1. Tiền | 111 | | 347.704.234.926 | 467.529.651.751 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5 | 761.881.950.978 | 463.223.455.229 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 57.225.679.647 | 38.986.886.456 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | (10.369.692.890) | (13.148.004.664) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 715.025.964.221 | 437.384.573.437 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 269.866.486.875 | 235.356.037.501 |
| 1. Phải thu của Khách hàng | 131 | | 216.115.044.284 | 191.999.709.946 |
| 1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm | 131.1 | 6 | 216.115.044.284 | 191.999.709.946 |
| 2. Các khoản phải thu khác | 136 | 7 | 75.674.385.894 | 62.108.057.480 |
| 3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 137 | 8 | (21.922.943.303) | (18.751.729.925) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 577.563.371 | 427.594.345 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 577.563.371 | 427.594.345 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 46.970.991.370 | 51.414.019.866 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 46.970.991.370 | 51.414.019.866 |
| 1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ | 151.1 | 9 | 45.326.508.796 | 50.496.662.169 |
| 1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 151.2 | | 1.644.482.574 | 917.357.697 |
| VI. Tài sản tái bảo hiểm | 190 | 18.1 | 322.932.937.197 | 275.199.431.851 |
| 1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm | 191 | | 222.446.893.383 | 176.500.935.032 |
| 2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 192 | | 100.486.043.814 | 98.698.496.819 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 246.261.417.007 | 328.481.715.167 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 12.694.980.132 | 18.805.092.896 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 218 | 7 | 12.694.980.132 | 18.805.092.896 |
| 1.1. Ký quỹ bảo hiểm | 218.1 | | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| 1.2. Phải thu dài hạn khác | 218.2 | | 694.980.132 | 6.805.092.896 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 94.996.708.942 | 82.830.428.133 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 20.576.737.664 | 16.656.822.090 |
| - Nguyên giá | 222 | | 42.956.307.113 | 37.501.019.840 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (22.379.569.449) | (20.844.197.750) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 66.769.971.278 | 66.173.606.043 |
| - Nguyên giá | 228 | | 74.604.502.449 | 73.113.842.449 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (7.834.531.171) | (6.940.236.406) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | 7.650.000.000 | |
| III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5 | 113.244.728.000 | 211.257.534.246 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 115.513.400.000 | 213.560.534.246 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 255.1 | | (2.268.672.000) | (2.303.000.000) |
| III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 260 | | 25.324.999.933 | 15.588.659.892 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12 | 14.829.190.409 | 6.287.466.040 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 13 | 6.621.465.986 | 6.553.986.889 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 3.874.343.538 | 2.747.206.963 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 1.996.195.581.724 | 1.821.631.905.710 |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.320.991.190.771 | 1.155.094.049.414 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.317.492.491.438 | 1.151.905.945.789 |
| 1. Phải trả người bán | 312 | | 248.952.126.297 | 166.665.759.670 |
| 1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm | 312.1 | 14 | 248.952.126.297 | 166.665.759.670 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 15 | 11.238.588.804 | 12.731.773.382 |
| 3. Phải trả Người Lao động | 315 | | 22.633.898.307 | 19.032.541.746 |
| 4. Chi phí phải trả | 316 | | 17.754.630.382 | 7.192.377.140 |
| 5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 9.967.290.901 | 6.052.792.065 |
| 6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 16 | 36.038.644.560 | 29.855.269.765 |
| 7. Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng | 319.1 | 17 | 81.195.340.549 | 67.795.491.120 |
| 8. Dự phòng nghiệp vụ | 329 | | 889.711.971.638 | 842.579.940.901 |
| 8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 329.1 | | 550.817.612.136 | 520.913.605.502 |
| 8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 329.2 | 18.1 | 274.364.198.071 | 264.182.074.896 |
| 8.3. Dự phòng dao động lớn | 329.3 | 18.2 | 64.530.161.431 | 57.484.260.503 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 3.498.699.333 | 3.188.103.625 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 30.000.000 | 30.000.000 |
| 2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 342 | | 3.468.699.333 | 3.158.103.625 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 675.204.390.953 | 666.537.856.296 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 675.204.390.953 | 666.537.856.296 |
| 1. Vốn cổ phần | 411 | | 600.000.000.000 | 600.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (415.994.845) | (415.994.845) |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (5.260.000) | (5.260.000) |
| 4. Quỹ dự trữ bắt buộc | 419 | | 17.908.501.472 | 15.831.189.152 |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 4.911.634.120 | 3.180.036.898 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 52.805.510.206 | 47.947.885.091 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 1.996.195.581.724 | 1.821.631.905.710 |

| CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | Đơn vị tính | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|----------------|----------------|
| 1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm | VND | 78.220.925.908 | 68.742.467.817 |
| 2. Nợ khó đòi đã xử lý | VND | 14.986.727.805 | 10.241.555.280 |
| 3. Ngoại tệ các loại | | | |
| - Đô la Mỹ (USD) | USD | | 37.521,41 |



Nguyễn Vinh Khiêm
Người lập biểu



Hà Minh Hiếu
Kế toán Trưởng



Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 10 | | 885.631.711.419 | 828.175.716.984 |
| 2. Doanh thu hoạt động tài chính | 12 | 25 | 94.398.069.572 | 107.871.782.783 |
| 3. Thu nhập khác | 13 | 28 | 213.859.049 | 8.352.151.966 |
| 4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 20 | | 694.417.190.024 | 654.491.256.270 |
| 5. Chi phí hoạt động tài chính | 22 | 26 | 7.278.289.517 | 21.781.027.835 |
| 6. Chi phí quản lý Doanh nghiệp | 23 | 27 | 225.486.029.813 | 218.113.586.695 |
| 7. Chi phí khác | 24 | 28 | 212.623.768 | 713.803.609 |
| 8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+12+13-20-22-23-24) | 50 | | 52.849.506.918 | 49.299.977.324 |
| 9. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 29 | 11.370.739.607 | 12.831.210.132 |
| 10. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 29 | (67.479.097) | (2.011.171.082) |
| 11. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | 19.1 | 41.546.246.408 | 38.479.938.274 |
| 12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 32 | 664 | 608 |



Nguyễn Vĩnh Khiêm
Người lập biểu



Hà Minh Hiếu
Kế toán Trưởng



Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3) | 01 | 21 | 1.194.973.847.393 | 1.009.801.931.265 |
| Trong đó: | | | | |
| - Phí bảo hiểm gốc | 01.1 | | 1.136.747.642.195 | 1.020.029.527.501 |
| - Phí nhận tái bảo hiểm | 01.2 | | 88.130.211.832 | 71.975.923.931 |
| - Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 01.3 | | 29.904.006.634 | 82.203.520.167 |
| 2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2) | 02 | 22 | 474.341.802.846 | 272.140.915.797 |
| Trong đó: | | | | |
| - Tổng phí nhượng tái bảo hiểm | 02.1 | | 520.287.761.197 | 394.928.254.146 |
| - Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm | 02.2 | | 45.945.958.351 | 122.787.338.349 |
| 3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02) | 03 | | 720.632.044.547 | 737.661.015.468 |
| 4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2) | 04 | | 164.999.666.872 | 90.514.701.516 |
| Trong đó: | | | | |
| - Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm | 04.1 | 17 | 162.340.261.753 | 89.118.457.657 |
| - Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 04.2 | | 2.659.405.119 | 1.396.243.859 |
| 5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04) | 10 | | 885.631.711.419 | 828.175.716.984 |
| 6. Chi bồi thường (11=11.1-11.2) | 11 | 23 | 463.953.715.748 | 472.222.428.518 |
| Trong đó: | | | | |
| - Tổng chi bồi thường | 11.1 | | 465.846.028.404 | 474.296.693.741 |
| - Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%) | 11.2 | | 1.892.312.656 | 2.074.265.223 |
| 7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 12 | 23.3 | 192.766.984.696 | 128.363.445.018 |
| 8. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 13 | 18.1 | 10.182.123.175 | (47.701.819.826) |
| 9. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 14 | 18.1 | 1.787.546.995 | (15.203.158.666) |
| 10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14) | 15 | 23 | 279.581.307.232 | 311.360.322.340 |
| 11. Tăng dự phòng dao động lớn | 16 | 18.2 | 7.045.900.928 | 6.970.770.819 |
| 12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2) | 17 | | 407.789.981.864 | 336.160.163.111 |
| Trong đó: | | | | |
| - Chi hoa hồng bảo hiểm | 17.1 | 9 | 107.123.655.770 | 81.810.322.931 |
| - Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 17.2 | 24 | 300.666.326.094 | 254.349.840.180 |
| 13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17) | 18 | | 694.417.190.024 | 654.491.256.270 |
| 14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18) | 19 | | 191.214.521.395 | 173.684.460.714 |
| 15. Doanh thu hoạt động tài chính | 23 | 25 | 94.398.069.572 | 107.871.782.783 |
| 16. Chi phí hoạt động tài chính | 24 | 26 | 7.278.289.517 | 21.781.027.835 |
| 17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24) | 25 | | 87.119.780.055 | 86.090.754.948 |
| 18. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 27 | 225.486.029.813 | 218.113.586.695 |
| 19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26) | 30 | | 52.848.271.637 | 41.661.628.967 |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONGSố 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**MẪU SỐ B 02-DNPNT**Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**Số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**MẪU SỐ B 03-DNPNT**Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | VND | |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 20. Thu nhập khác | 31 | | 213.859.049 | 8.352.151.966 |
| 21. Chi phí khác | 32 | | 212.623.768 | 713.803.609 |
| 22. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | 28 | 1.235.281 | 7.638.348.357 |
| 23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 52.849.506.918 | 49.299.977.324 |
| 24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 29 | 11.370.739.607 | 12.831.210.132 |
| 25. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 29 | (67.479.097) | (2.011.171.082) |
| 26. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | 19.1 | 41.546.246.408 | 38.479.938.274 |
| 27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 32 | 664 | 608 |

Nguyễn Vĩnh Khiêm
Người lập biểu**Hà Minh Hiếu**
Kế toán Trưởng**Phan Quốc Dũng**
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

| CHỈ TIÊU | Mã số | VND | |
|--|-----------|--------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 1.172.881.544.794 | 987.444.656.640 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 02 | (932.048.055.673) | (887.824.365.574) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (140.037.983.198) | (127.683.116.724) |
| 4. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | (13.707.608.861) | - |
| 5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 184.459.804.828 | 591.392.021.415 |
| 6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 07 | (268.108.632.237) | (320.705.246.422) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 3.439.069.653 | 242.623.949.335 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | (15.312.965.455) | (59.091.231.316) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | 404.800.000 | 1.436.723.584 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (19.738.284.851.661) | (15.607.592.731.981) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 19.595.200.089.415 | 15.719.376.263.727 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 66.131.187.256 | 90.846.724.809 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (91.861.740.445) | 144.975.748.823 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Cổ tức đã trả cho cổ đông | 36 | (31.394.250.406) | (17.086.117.525) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (31.394.250.406) | (17.086.117.525) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | (119.816.921.198) | 370.513.580.633 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 467.529.651.751 | 96.997.579.518 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (8.495.627) | 18.491.600 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 347.704.234.926 | 467.529.651.751 |

Nguyễn Vĩnh Khiêm
Người lập biểu**Hà Minh Hiếu**
Kế toán Trưởng**Phan Quốc Dũng**
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DNPNT

Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (gọi tắt là “Tổng Công ty”), là một công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 1529/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059614 do Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 08 năm 1995 và Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động số 05TC/GCN ngày 10 tháng 01 năm 1995 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động mới nhất số 71GP/KDBH ngày 15 tháng 4 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 71/GPĐC18/KDBH ngày 7 tháng 4 năm 2017 do Bộ Tài chính cấp.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM vào ngày 11 tháng 12 năm 2015 với mã chứng khoán là “BLI”.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 945 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 989 người).

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chu năm kinh doanh thông thường

Chu năm kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty có 01 Trụ sở chính và 46 Công ty thành viên trên cả nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công ty là Chứng từ ghi sổ.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về ghi nhận tiếp theo công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4 Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các cổ phiếu niêm yết, không niêm yết trên thị trường chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Tăng/giảm dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí hoạt động tài chính” trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

c) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo chính sách kế toán của Công ty. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh công bố.

Đối với các chứng khoán chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

3.5 Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người lao động nghỉ việc, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

| Thời gian quá hạn | Mức trích dự phòng |
|--|--------------------|
| Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm | 30% |
| Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm | 50% |
| Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm | 70% |
| Từ ba (3) năm trở lên | 100% |

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi giảm và các khoản lãi/lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi giảm và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất và Tổng Công ty không trích khấu hao liên quan đến giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 (“Thông tư 45”).

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | Số năm |
|-------------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 - 25 năm |
| Máy móc thiết bị | 6 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 4 - 5 năm |
| Phần mềm máy tính | 5 năm |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 13 năm |

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích hoạt động kinh doanh, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

3.11 Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng bảo hiểm, chi phí khai thác trực tiếp chờ phân bổ, chi phí thuê văn phòng và thiết bị, công cụ, dụng cụ, và các chi phí trả trước khác.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm phát sinh trong năm. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng chưa phân bổ tương ứng với khoản phí bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp tương ứng với phương pháp tính dự phòng phí chưa được hưởng đã được phê duyệt tại Công văn số 792/BTC-QLBH ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính (“Công văn 792”).

3.12 Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính (“Thông tư 50”) và Công văn 792. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

a. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ:

(i) *Dự phòng phí chưa được hưởng*

Tổng Công ty trích lập dự phòng phí chưa được hưởng theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể là phương pháp 1/24 (“phương pháp 1/24”). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một tháng của Tổng Công ty được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

(ii) *Dự phòng bồi thường*

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm tài chính; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (“IBNR”) trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 (“VAS 19”) – Hợp đồng bảo hiểm, các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến Chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 50 và Công văn 792. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện trích lập theo tỉ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm.

Theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 (“Thông tư 232”) của Bộ Tài chính, các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm không thực hiện bù trừ với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

b. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe:

(i) Dự phòng toán học:

Theo Công văn 792, dự phòng toán học áp dụng đối với các hợp đồng có thời hạn trên một (1) năm và được trích lập như sau:

- ▶ Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn):

Tổng Công ty trích lập dự phòng toán học theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể là phương pháp 1/8 (“phương pháp 1/8”). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Tổng Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng toán học được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng toán học} = \text{Phí bảo hiểm} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

- ▶ Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn:

Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể là phương pháp theo từng ngày. Dự phòng toán học được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng toán học} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng:

Dự phòng phí chưa được hưởng áp dụng đối với các hợp đồng có thời hạn từ một (1) năm trở xuống và được trích lập theo phương pháp 1/24. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho Công ty bảo hiểm hoặc Khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ kế toán, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhà nhận tái bảo hiểm; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (“IBNR”) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iv) Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm với mức trích lập là 1% trên phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản dự phòng phải trả khác

Các khoản dự phòng phải trả khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty được hơn 12 tháng. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 50.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- (1) hợp đồng đã được giao kết giữa Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, đồng thời bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (3) hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào doanh thu khoản phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Riêng trường hợp bảo hiểm hàng hóa vận chuyển cho khách hàng có nhiều chuyến hàng tham gia bảo hiểm trong năm hoặc bảo hiểm du lịch cho khách hàng có nhiều chuyến du lịch tham gia bảo hiểm trong năm, nếu Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm có ký hợp đồng bảo hiểm nguyên tắc về cách thức tham gia bảo hiểm và phương thức thanh toán thì thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm bắt đầu trong tháng này không được chậm hơn ngày 25 của tháng kế tiếp.

Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Tổng Công ty chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận, nếu Tổng Công ty không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định tại tiết d, điểm 1.1, khoản 1, điều 21, Thông tư 50, hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Tổng Công ty không được thỏa thuận với bên mua bảo hiểm thay đổi thời hạn thanh toán phí bảo hiểm và các kỳ phí bảo hiểm trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu thể hiện các khoản giảm phí và hoàn phí bảo hiểm, được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh, căn cứ vào thỏa thuận giảm phí hoặc hủy hợp đồng bảo hiểm giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm.

Đối với các hoạt động khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện giá trị các khoản phí bảo hiểm khách hàng thanh toán trước cho các đơn bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm hoặc thanh toán trước cho các kỳ tiếp theo của các đơn bảo hiểm nhiều kỳ đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, được ghi nhận khi Tổng Công ty nhận tiền trước của bên mua bảo hiểm. Tổng Công ty sẽ phân bổ vào doanh thu trong kỳ khi các đơn bảo hiểm này phát sinh trách nhiệm bảo hiểm.

3.17 Ghi nhận chi phí

(i) Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào tạm ứng chi phí bồi thường trong “Phải thu khác” trên bảng cân đối kế toán.

(ii) Chi hoa hồng bảo hiểm

Chi phí hoa hồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phát sinh trong năm tài chính và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư số 50 do Bộ Tài chính ban hành. Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn 792.

(iii) Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

3.18 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhận tái bảo hiểm

Phí nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm cố định đã được ký kết và Tổng Công ty nhận được các bằng kê thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Phí nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và Tổng Công ty đã nhận được các bằng kê thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm cố định và tạm thời được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và Tổng Công ty nhận được các bằng kê thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhận tái bảo hiểm cố định và tạm thời được ghi nhận khi phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và Tổng Công ty nhận được các bảng kê thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với doanh thu phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký vào được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn 792.

(ii) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm cố định được ký kết, đồng thời doanh thu phí bảo hiểm gốc và doanh thu phí nhận tái bảo hiểm nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận. Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi các thỏa thuận nhượng tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập, đồng thời doanh thu phí bảo hiểm gốc và doanh thu phí nhận tái bảo hiểm nằm trong phạm vi thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu năm nay tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn 792.

3.19 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.21 Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

3.22 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.23 Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo điều lệ của Tổng Công ty và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt tại quỹ | 4.244.765.461 | 5.376.540.260 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 343.459.469.465 | 462.153.111.491 |
| | 347.704.234.926 | 467.529.651.751 |

VND

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 5.1) | | |
| Cổ phiếu niêm yết | 52.399.238.647 | 34.160.445.456 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 4.826.441.000 | 4.826.441.000 |
| | 57.225.679.647 | 38.986.886.456 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | (10.369.692.890) | (13.148.004.664) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 46.855.986.757 | 25.838.881.792 |
| Ngắn hạn | | |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (i) | 640.025.964.221 | 367.367.073.437 |
| - Trái phiếu (ii) | 75.000.000.000 | 70.017.500.000 |
| | 715.025.964.221 | 437.384.573.437 |
| Dài hạn | | |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (iii) | 44.000.000.000 | 162.057.534.246 |
| - Trái phiếu (iv) | 41.513.400.000 | 21.503.000.000 |
| - Ủy thác đầu tư (v) | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| | 115.513.400.000 | 213.560.534.246 |
| Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi (vi) | (2.268.672.000) | (2.303.000.000) |
| | 113.244.728.000 | 211.257.534.246 |
| Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính | 875.126.678.978 | 674.480.989.475 |

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên và có thời gian đáo hạn còn lại không quá một (1) năm kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất từ 6,5% đến 10,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 6,2% đến 11,5%/năm).
- (ii) Thể hiện 75.000 trái phiếu doanh nghiệp kỳ hạn từ 1 đến 2 năm với mức lãi suất 9,50% đến 14,45%/năm.
- (iii) Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời gian đáo hạn còn lại trên một (1) năm kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán với mức lãi suất 6,80%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 6,5% đến 10,5%/năm).
- (iv) Bao gồm giá trị 20 tỷ đồng của 40.000 trái phiếu doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt có kỳ hạn 3 năm kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2019 với mức lãi suất 9,50%/năm và 1.503.000.000 đồng trái phiếu Vinashin.
- (v) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư ký ngày 20 tháng 11 năm 2017 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam cho mục đích thực hiện việc quản lý và đầu tư vốn theo chiến lược đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, danh mục đầu tư đã thực hiện theo hợp đồng ủy thác đầu tư này không suy giảm giá trị.
- (vi) Đây là dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin và các khoản ủy thác đầu tư với số tiền lần lượt là 1.503.000.000 đồng và 765.272.000 đồng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.1 Chứng khoán kinh doanh

VND

| | Số cuối năm | | | | Số đầu năm | | | |
|--------------------------------|------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý (*) | Số lượng | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý (*) |
| Cổ phiếu niêm yết | 2.898.614 | 52.399.238.647 | (6.355.024.863) | 46.044.213.784 | 2.053.936 | 34.160.445.456 | (8.969.898.842) | 25.190.546.614 |
| SSN | | | | | 286.700 | 6.183.712.619 | (3.477.264.619) | 2.706.448.000 |
| PXI | 461.800 | 3.707.711.199 | (2.377.727.199) | 1.329.984.000 | 616.130 | 4.946.799.699 | (3.412.635.999) | 1.534.163.700 |
| SVC | - | - | - | - | 19.220 | 982.011.119 | (155.551.119) | 826.460.000 |
| GEX | - | - | - | - | 250.000 | 5.986.490.073 | (448.990.073) | 5.537.500.000 |
| PMG | 102.694 | 2.103.764.202 | (275.811.002) | 1.827.953.200 | 115.000 | 2.615.000.000 | (401.250.000) | 2.213.750.000 |
| DIG | 458.934 | 6.864.288.658 | (530.999.458) | 6.333.289.200 | 283.000 | 4.702.150.500 | (315.650.500) | 4.386.500.000 |
| SSI | 170.000 | 4.675.503.500 | (1.607.003.500) | 3.068.500.000 | 120.000 | 3.386.753.500 | (188.753.500) | 3.198.000.000 |
| DBD | 37.000 | 2.094.940.000 | 67.340.000 | 2.162.280.000 | - | - | - | - |
| HDB | 36.000 | 1.114.200.000 | 122.400.000 | 1.236.600.000 | - | - | - | - |
| PC1 | 240.000 | 4.191.731.000 | - | 4.191.731.000 | - | - | - | - |
| PME | 30.000 | 1.674.455.000 | 45.455.000 | 1.719.910.000 | - | - | - | - |
| VGC | 320.000 | 6.218.450.000 | 330.450.000 | 6.548.900.000 | - | - | - | - |
| VIB | 370.000 | 6.639.500.000 | 164.500.000 | 6.804.000.000 | - | - | - | - |
| Cổ phiếu khác | 672.186 | 13.114.695.088 | (2.293.628.704) | 10.821.066.384 | 363.886 | 5.357.527.946 | (569.803.032) | 4.787.724.914 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 262.758 | 4.826.441.000 | (4.014.668.027) | 811.772.973 | 262.758 | 4.826.441.000 | (4.178.105.822) | 648.335.178 |
| Công ty cổ phần cà phê Petec | 43.800 | 444.000.000 | (444.000.000) | - | 43.800 | 444.000.000 | (444.000.000) | - |
| Công ty cổ phần PVOil Nam Định | 19.607 | 196.070.000 | (25.489.100) | 170.580.900 | 19.607 | 196.070.000 | (196.070.000) | - |
| Công ty cổ phần Petec | 199.351 | 4.186.371.000 | (3.545.178.927) | 641.192.073 | 199.351 | 4.186.371.000 | (3.538.035.822) | 648.335.178 |
| | 3.161.372 | 57.225.679.647 | (10.369.692.890) | 46.855.986.757 | 2.316.694 | 38.986.886.456 | (13.148.004.664) | 25.838.881.792 |

(*) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo các phương pháp và giả định nêu ở Thuyết minh số 36.

6. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu bảo hiểm gốc | 54.321.030.273 | 77.024.124.324 |
| Phải thu nhận tái bảo hiểm | 38.246.713.031 | 25.344.710.554 |
| Phải thu nhượng tái bảo hiểm | 118.071.950.640 | 83.676.459.594 |
| Phải thu đồng bảo hiểm | 5.379.115.963 | 5.858.181.097 |
| Phải thu khác | 96.234.377 | 96.234.377 |
| | 216.115.044.284 | 191.999.709.946 |

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| - Tạm ứng bồi thường | 10.653.114.685 | 10.680.103.242 |
| - Tiền lãi dự thu | 40.246.615.827 | 15.142.305.724 |
| - Tạm ứng chi phí kinh doanh | 16.841.228.849 | 18.231.476.032 |
| - Phải thu đầu tư chứng khoán (T+2) | 399.400.000 | 8.791.464.890 |
| - Phải thu khác | 7.534.026.533 | 9.262.707.592 |
| | 75.674.385.894 | 62.108.057.480 |
| b. Dài hạn | | |
| - Ký quỹ bảo hiểm | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| - Tiền lãi dự thu | 694.980.132 | 6.805.092.896 |
| | 12.694.980.132 | 18.805.092.896 |

8. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 18.226.342.164 | 15.513.957.154 |
| Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khác | 3.696.601.139 | 3.237.772.771 |
| | 21.922.943.303 | 18.751.729.925 |

9. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỐ

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ bao gồm các khoản chi phí hoa hồng bảo hiểm phải trả thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo quy định hiện hành.

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 50.496.662.169 | 34.340.625.737 |
| Phát sinh trong năm | 101.953.502.397 | 97.966.359.363 |
| Phân bổ vào chi phí trong năm | (107.123.655.770) | (81.810.322.931) |
| Số dư cuối năm | 45.326.508.796 | 50.496.662.169 |

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc (*) | Phương tiện vận tải | Máy móc, thiết bị | Thiết bị văn phòng | Tổng cộng |
|---------------------------------------|----------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 22.072.706.170 | 8.288.130.450 | 1.481.297.319 | 5.658.885.901 | 37.501.019.840 |
| Tăng trong năm | - | 1.259.705.455 | - | 348.700.000 | 1.608.405.455 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (717.018.182) | - | - | (717.018.182) |
| Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 4.563.900.000 | - | - | - | 4.563.900.000 |
| Số dư cuối năm | 22.072.706.170 | 8.830.817.723 | 1.481.297.319 | 6.007.585.901 | 42.956.307.113 |
| GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 9.959.799.457 | 5.293.078.548 | 472.911.429 | 5.118.408.316 | 20.844.197.750 |
| Khấu hao trong năm | 776.115.828 | 728.136.133 | 180.364.860 | 215.233.178 | 1.899.849.999 |
| Giảm do thanh lý | - | (364.478.300) | - | - | (364.478.300) |
| Số dư cuối năm | 10.735.915.285 | 5.656.736.381 | 653.276.289 | 5.333.641.494 | 22.379.569.449 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 12.325.152.533 | 2.995.051.902 | 1.008.385.890 | 540.477.585 | 16.656.822.090 |
| Tại ngày cuối năm | 15.900.690.885 | 3.174.081.342 | 828.021.030 | 673.944.407 | 20.576.737.664 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.183.569.094 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6.200.663.794 đồng).

(*) Bao gồm một căn nhà với giá trị còn lại là 4.180.181.819 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác và Tổng Công ty đã ngừng trích khấu hao cho tài sản này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 16).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | | | VND |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Quyền sử dụng đất (*) | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư đầu kỳ | 69.912.702.449 | 3.201.140.000 | 73.113.842.449 |
| Tăng trong kỳ | 699.600.000 | 791.060.000 | 1.490.660.000 |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 70.612.302.449 | 3.992.200.000 | 74.604.502.449 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư đầu năm | 4.574.608.387 | 2.365.628.019 | 6.940.236.406 |
| Khấu hao trong năm | 415.873.488 | 478.421.277 | 894.294.765 |
| Số dư cuối năm | 4.990.481.875 | 2.844.049.296 | 7.834.531.171 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày đầu năm | 65.338.094.062 | 835.511.981 | 66.173.606.043 |
| Tại ngày cuối năm | 65.621.820.574 | 1.148.150.704 | 66.769.971.278 |

(*) Bao gồm một quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 4.470.585.373 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 16).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | | | VND |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------|-----|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | |
| Chi phí bảo hiểm cho nhân viên | 10.174.076.052 | - | |
| Công cụ và dụng cụ | 731.927.696 | 1.187.819.859 | |
| Chi phí sửa chữa văn phòng | 1.669.040.181 | 4.244.599.463 | |
| Khác | 2.254.146.480 | 855.046.718 | |
| | 14.829.190.409 | 6.287.466.040 | |

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

| | | | VND |
|--|----------------------|----------------------|-----|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | |
| Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 20% | 20% | |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 6.621.465.986 | 6.553.986.889 | |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 6.621.465.986 | 6.553.986.889 | |

14. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

| | | | VND |
|--|------------------------|------------------------|-----|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | |
| Phải trả nhượng tái bảo hiểm | 199.704.014.892 | 124.855.509.601 | |
| Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc | 25.629.582.345 | 23.219.819.030 | |
| Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm | 11.543.483.673 | 8.575.957.961 | |
| Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc | 8.873.453.655 | 7.343.709.417 | |
| Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm | 2.181.994.870 | 1.764.636.309 | |
| Phải trả khác liên quan đến bảo hiểm gốc | 1.019.596.862 | 906.127.352 | |
| | 248.952.126.297 | 166.665.759.670 | |

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | | | | | VND |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|-----|
| | Số đầu năm | Phải nộp trong năm | Đã nộp/bù trừ trong năm | Số cuối năm | |
| Các khoản phải trả | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 4.069.157.019 | 37.939.153.424 | (37.760.440.881) | 4.247.869.562 | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.889.412.326 | 26.708.983.100 | (29.045.852.354) | 4.552.543.072 | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.367.155.277 | 10.090.701.170 | (9.546.466.582) | 1.911.389.865 | |
| Thuế khác | 406.048.760 | 30.423.507.271 | (30.302.769.726) | 1.911.389.865 | |
| | 12.731.773.382 | 105.162.344.965 | (106.655.529.543) | 11.238.588.804 | |

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| a. Phải trả khác ngắn hạn | | |
| - Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (i) | 6.700.977.690 | 6.510.434.240 |
| - Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (ii) | 9.136.363.636 | 9.136.363.636 |
| - Phải trả cổ tức | 6.012.313.102 | 4.526.851.757 |
| - Phí tạm thu chờ bóc tách | 2.758.824.473 | 1.296.578.538 |
| - Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên | 806.707.069 | 878.346.545 |
| - Phải trả Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý | 448.251.757 | 432.255.433 |
| - Phải trả quỹ bảo vệ người được bảo hiểm | 1.751.424.072 | 1.515.903.729 |
| - Phải trả quỹ xe cơ giới | 385.082.319 | 396.159.694 |
| - Phải trả quỹ phòng cháy chữa cháy | 310.671.260 | 258.936.135 |
| - Phải trả khác | 7.728.029.182 | 4.903.440.058 |
| | 36.038.644.560 | 29.855.269.765 |
| b. Phải trả khác dài hạn | | |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 30.000.000 | 30.000.000 |
| | 30.000.000 | 30.000.000 |

- (i) Đây chủ yếu là số tiền bồi thường phân bổ cho nhà tái bảo hiểm liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- (ii) Đây chủ yếu là số tiền bồi thường phân bổ cho nhà tái bảo hiểm liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đây là số tiền Tổng Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Tổng Công ty. Do thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 11).

17. DOANH THU HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng bao gồm các khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu năm nay tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo quy định hiện hành..

| | VND | |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số dư đầu năm | 67.795.491.120 | 15.855.160.122 |
| Phát sinh trong năm | 67.795.491.120 | 141.058.788.655 |
| Phân bổ vào doanh thu trong năm | (162.340.261.753) | (89.118.457.657) |
| Số dư cuối năm | 81.195.340.549 | 67.795.491.120 |

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

18.1 Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---|-------------------------------|---|---|-------------------------------|---|
| | Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1) | Nhượng tái bảo hiểm (2) | Dự phòng bảo hiểm thuần (3)=(1)-(2) | Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (4) | Nhượng tái bảo hiểm (5) | Dự phòng bảo hiểm thuần (6)=(4)-(5) |
| Dự phòng bồi thường | 274.364.198.071 | 100.486.043.814 | 173.878.154.257 | 264.182.074.896 | 98.698.496.819 | 165.483.578.077 |
| Trong đó: | | | | | | |
| - Dự phòng cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết | 237.617.862.449 | 84.877.410.976 | 152.740.451.473 | 231.421.914.811 | 86.850.649.194 | 144.571.265.617 |
| - Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo | 36.746.335.622 | 15.608.632.838 | 21.137.702.784 | 32.760.160.085 | 11.847.847.625 | 20.912.312.460 |
| Dự phòng phí chưa được hưởng | 550.817.612.136 | 222.446.893.383 | 328.370.718.753 | 520.913.605.502 | 176.500.935.032 | 344.412.670.470 |
| | 825.181.810.207 | 322.932.937.197 | 502.248.873.010 | 785.095.680.398 | 275.199.431.851 | 509.896.248.547 |

Trong đó chi tiết bao gồm:

| | Năm nay | | | Năm trước | | |
|-------------------------------------|---|-------------------------------|---|---|-------------------------------|---|
| | Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1) | Nhượng tái bảo hiểm (2) | Dự phòng bảo hiểm thuần (3)=(1)-(2) | Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (4) | Nhượng tái bảo hiểm (5) | Dự phòng bảo hiểm thuần (6)=(4)-(5) |
| Dự phòng bồi thường | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 264.182.074.896 | 98.698.496.819 | 165.483.578.077 | 311.883.894.722 | 113.901.655.485 | 197.982.239.237 |
| (Hoàn nhập)/ trích lập trong năm | 10.182.123.175 | 1.787.546.995 | 8.394.576.180 | (47.701.819.826) | (15.203.158.666) | (32.498.661.160) |
| Số dư cuối năm | 274.364.198.071 | 100.486.043.814 | 173.878.154.257 | 264.182.074.896 | 98.698.496.819 | 165.483.578.077 |
| Dự phòng phí chưa được hưởng | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 520.913.605.502 | 176.500.935.032 | 344.412.670.470 | 438.710.085.335 | 53.713.596.683 | 384.996.488.652 |
| (Hoàn nhập)/ trích lập trong năm | 29.904.006.634 | 45.945.958.351 | (16.041.951.717) | 82.203.520.167 | 122.787.338.349 | (40.583.818.182) |
| Số dư cuối năm | 550.817.612.136 | 222.446.893.383 | 328.370.718.753 | 520.913.605.502 | 176.500.935.032 | 344.412.670.470 |

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

18.2 Dự phòng dao động lớn

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tại ngày đầu năm | 57.484.260.503 | 50.513.489.683 |
| Trích lập thêm trong năm | 7.045.900.928 | 6.970.770.820 |
| Tại ngày cuối năm | 64.530.161.431 | 57.484.260.503 |

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ dự trữ bắt buộc | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng |
|----------------------------|------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 600.000.000.000 | (415.994.845) | (5.260.000) | 13.907.192.238 | 1.200.000.000 | 31.191.824.403 | 645.877.761.796 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 38.479.938.274 | 38.479.938.274 |
| Cổ tức đã trả | - | - | - | - | - | (17.819.843.774) | (17.819.843.774) |
| Phân phối các quỹ | - | - | - | - | 1.980.036.898 | (1.980.036.898) | - |
| Tạm trích quỹ | - | - | - | 1.923.996.914 | - | (1.923.996.914) | - |
| Số dư đầu năm nay | 600.000.000.000 | (415.994.845) | (5.260.000) | 15.831.189.152 | 3.180.036.898 | 47.947.885.091 | 666.537.856.296 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 41.546.246.408 | 41.546.246.408 |
| Phân phối các quỹ (*) | - | - | - | - | 1.731.597.222 | (1.731.597.222) | - |
| Cổ tức thông báo | - | - | - | - | - | (32.879.711.751) | (32.879.711.751) |
| Tạm trích quỹ (**) | - | - | - | 2.077.312.320 | - | (2.077.312.320) | - |
| Số dư cuối năm nay | 600.000.000.000 | (415.994.845) | (5.260.000) | 17.908.501.472 | 4.911.634.120 | 52.805.510.206 | 675.204.390.953 |

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 ngày 29 tháng 3 năm 2019, cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

- Trích quỹ dự trữ bắt buộc với số tiền 1.923.996.914 đồng, tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2018 (đã tạm trích và ghi nhận trên báo cáo tài chính năm 2018);
- Chia cổ tức bằng tiền với số tiền 32.879.711.751 đồng, tương ứng với 5,48% mệnh giá cổ phiếu lưu hành;

(*) Thương cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số tiền 1.731.597.222 đồng, tương ứng với 10% lợi nhuận sau thuế năm 2018 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị. Khoản thưởng này vẫn chưa chi trả cho nhân viên và vẫn đang ghi nhận ở khoản mục quỹ khác của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

(**) Trong năm, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự trữ bắt buộc với tỉ lệ 5% lợi nhuận sau thuế 2019 với số tiền 2.077.312.320 đồng.

Số liệu cuối cùng về chia cổ tức và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

19.2 Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

| | Vốn đã góp | | VND | |
|--|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn | 490.823.420.000 | 81,80% | 490.823.420.000 | 81,80% |
| Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam | 39.036.510.000 | 6,51% | 39.036.510.000 | 6,51% |
| Cổ đông khác | 70.140.070.000 | 11,69% | 70.140.070.000 | 11,69% |
| | 600.000.000.000 | 100% | 600.000.000.000 | 100% |

Chi tiết số lượng cổ phần được phát hành bởi Công ty như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phần đăng ký phát hành | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại | 526 | 526 |
| Cổ phiếu phổ thông | 526 | 526 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 59.999.474 | 59.999.474 |
| Cổ phiếu phổ thông | 59.999.474 | 59.999.474 |
| Mệnh giá của cổ phần đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

19.3 Cổ tức

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Tại ngày đầu năm | 4.526.851.757 | 3.793.125.508 |
| Cổ tức công bố trong năm | 32.879.711.751 | 17.819.843.774 |
| Cổ tức đã trả trong năm | (31.394.250.406) | (17.086.117.525) |
| Tại ngày cuối năm | 6.012.313.102 | 4.526.851.757 |

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

T Tổng Công ty đã xem xét đánh giá và quyết định không lập và trình bày Báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính do hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty chỉ gồm kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm. Kết quả hoạt động đầu tư được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động tài chính của Tổng Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 25 và số 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Tổng Công ty chỉ cung cấp dịch vụ bảo hiểm trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Tổng Công ty tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Tổng Công ty.

21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

| | VND | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Phí bảo hiểm gốc chưa bao gồm giảm phí, hoàn phí | 1.147.168.762.086 | 1.031.245.646.722 |
| Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc (Giảm phí, hoàn phí bảo hiểm gốc) | (10.421.119.891) | (11.216.119.221) |
| Phí bảo hiểm gốc (1) | 1.136.747.642.195 | 1.020.029.527.501 |
| Phí nhận tái bảo hiểm chưa bao gồm giảm phí, hoàn phí | 89.306.131.640 | 72.342.849.921 |
| Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (Giảm phí, hoàn phí tái bảo hiểm) | (1.175.919.808) | (366.925.990) |
| Phí nhận tái bảo hiểm (2) | 88.130.211.832 | 71.975.923.931 |
| Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (3) | 29.904.006.634 | 82.203.520.167 |
| Tổng cộng doanh thu phí bảo hiểm (4)=(1)+(2)-(3) | 1.194.973.847.393 | 1.009.801.931.265 |

21.1 Phí bảo hiểm gốc

| | VND | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi tiết doanh thu phí bảo hiểm gốc | | |
| Bảo hiểm xe cơ giới | 543.894.442.162 | 561.241.078.120 |
| Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác | 205.561.536.983 | 175.273.531.529 |
| Bảo hiểm con người | 241.199.710.699 | 151.356.892.350 |
| Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển | 65.797.140.196 | 70.662.226.211 |
| Bảo hiểm xây dựng lắp đặt | 34.978.566.837 | 40.958.940.464 |
| Bảo hiểm Tàu | 41.505.474.525 | 19.047.128.184 |
| Bảo hiểm thuyền viên | 3.810.770.793 | 1.489.730.643 |
| | 1.136.747.642.195 | 1.020.029.527.501 |

21.2 Phí nhận tái bảo hiểm

| | VND | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi tiết doanh thu phí nhận tái bảo hiểm | | |
| Bảo hiểm xe cơ giới | 11.904.005.196 | 558.639.970 |
| Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác | 56.198.999.628 | 45.685.418.422 |
| Bảo hiểm con người | 13.843.558.245 | 20.621.452.483 |
| Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển | 675.853.019 | 743.596.696 |
| Bảo hiểm xây dựng lắp đặt | 4.885.428.235 | 3.079.209.964 |
| Bảo hiểm tàu thuyền | 608.701.331 | 1.284.469.528 |
| Bảo hiểm thuyền viên | 13.666.178 | 3.136.868 |
| | 88.130.211.832 | 71.975.923.931 |

22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

| | VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Bảo hiểm xe cơ giới | 195.811.479.754 | 188.585.797.551 |
| Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác | 162.002.885.518 | 119.858.311.943 |
| Bảo hiểm con người | 95.916.083.249 | 31.884.819.541 |
| Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển | 34.551.193.975 | 22.106.358.602 |
| Bảo hiểm xây dựng lắp đặt | 18.994.616.024 | 22.689.285.664 |
| Bảo hiểm tàu thuyền | 13.011.502.677 | 9.803.680.845 |
| Tổng phí nhượng tái bảo hiểm | 520.287.761.197 | 394.928.254.146 |
| Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm | 45.945.958.351 | 122.787.338.350 |
| Phí nhượng tái bảo hiểm | 474.341.802.846 | 272.140.915.796 |

23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

| | VND | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1) | 465.846.028.404 | 474.296.693.741 |
| - Chi bồi thường bảo hiểm gốc (23.1) | 434.983.063.024 | 435.365.114.861 |
| - Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (23.2) | 30.862.965.380 | 38.931.578.880 |
| Các khoản thu giảm chi (thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%) | (1.892.312.656) | (2.074.265.223) |
| Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm (23.3) | (192.766.984.696) | (128.363.445.018) |
| (Giảm)/tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 10.182.123.175 | (47.701.819.826) |
| (Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 1.787.546.995 | (15.203.158.666) |
| Tổng chi bồi thường bảo hiểm | 279.581.307.232 | 311.360.322.340 |

23.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc

| | VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Bảo hiểm xe cơ giới | 281.761.052.250 | 314.060.177.593 |
| Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác | 22.113.830.199 | 42.519.720.389 |
| Bảo hiểm con người | 76.535.294.465 | 33.629.378.239 |
| Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển | 42.157.042.720 | 10.838.176.207 |
| Bảo hiểm xây dựng lắp đặt | 3.762.441.666 | 1.506.479.643 |
| Bảo hiểm tàu thuyền | 8.491.069.984 | 32.533.862.790 |
| Bảo hiểm thuyền viên | 162.331.740 | 277.320.000 |
| | 434.983.063.024 | 435.365.114.861 |

23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM (tiếp theo)

23.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Bảo hiểm xe cơ giới | 66.688.475 | 44.328.941 |
| Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác | 25.943.976.599 | 33.844.060.764 |
| Bảo hiểm con người | 68.491.234 | 122.421.451 |
| Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển | 100.431.080 | 4.431.556 |
| Bảo hiểm xây dựng lắp đặt | 2.520.126.880 | 1.842.865.490 |
| Bảo hiểm tàu thuyền | 2.163.251.112 | 3.073.470.678 |
| | 30.862.965.380 | 38.931.578.880 |

23.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

| | VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Bảo hiểm xe cơ giới | 112.769.531.501 | 45.973.584.937 |
| Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác | 14.360.566.573 | 43.014.298.073 |
| Bảo hiểm con người | 25.264.492.623 | 7.275.760.352 |
| Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển | 30.691.019.422 | 4.930.005.105 |
| Bảo hiểm xây dựng lắp đặt | 5.427.720.899 | 1.085.797.335 |
| Bảo hiểm tàu thuyền | 4.253.653.678 | 26.083.999.216 |
| | 192.766.984.696 | 128.363.445.018 |

24. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

| | VND | |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí giao dịch khách hàng | 148.866.689.726 | 131.594.378.816 |
| Lương và các khoản phụ cấp | 64.989.600.800 | 50.013.754.044 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 50.725.813.575 | 43.699.697.729 |
| Chi phí giám định tổn thất | 13.967.567.441 | 9.049.890.770 |
| Công cụ, dụng cụ | 6.627.537.905 | 5.659.110.100 |
| Chi phí khác | 15.489.116.647 | 14.333.008.721 |
| | 300.666.326.094 | 254.349.840.180 |

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | VND | |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 65.591.572.967 | 58.342.319.613 |
| Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư | 8.622.345.599 | 15.229.526.288 |
| Lãi từ đầu tư trái phiếu | 18.330.927.628 | 15.498.787.390 |
| Cổ tức được chia | 1.202.884.000 | 775.098.000 |
| Lãi từ chênh lệch tỷ giá | 650.339.378 | 1.421.721.508 |
| Lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư | - | 16.604.329.984 |
| | 94.398.069.572 | 107.871.782.783 |

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | VND | |
|--|----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư | 9.330.896.404 | 14.400.156.446 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 760.032.887 | 1.169.630.644 |
| Phí dịch vụ ngân hàng | - | 2.015.664.985 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư | (2.812.639.774) | 4.195.575.760 |
| | 7.278.289.517 | 21.781.027.835 |

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VND | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lương và các khoản phụ cấp | 143.639.339.759 | 127.485.909.187 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 59.093.364.377 | 65.241.840.634 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 6.877.950.461 | 7.181.672.977 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 8.456.572.510 | 11.380.116.174 |
| Chi phí khấu hao | 2.794.144.764 | 2.864.511.460 |
| Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ | 4.343.897.662 | 3.822.725.574 |
| Thuế và phí | 280.760.280 | 136.810.689 |
| | 225.486.029.813 | 218.113.586.695 |

28. LỢI NHUẬN KHÁC

| | VND | |
|--------------------------------------|--------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập khác | 213.859.049 | 8.352.151.966 |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 52.261.479 | 436.544.945 |
| Khác | 161.597.570 | 7.915.607.021 |
| Chi phí khác | 212.623.768 | 713.803.609 |
| Chi khác | 212.623.768 | 713.803.609 |
| Lợi nhuận khác | 1.235.281 | 7.638.348.357 |

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | VND | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 10.831.227.825 | 12.138.883.309 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 539.511.782 | 692.326.823 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 11.370.739.607 | 12.831.210.132 |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 52.849.506.918 | 49.299.977.324 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | 865.488.512 | (9.280.757.406) |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 2.172.120.718 | 2.113.681.814 |
| Thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 54.156.139.124 | 60.694.416.544 |
| Thuế suất thông thường | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 10.831.227.825 | 12.138.883.309 |

| | VND | |
|--|---------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | |
| - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | (67.479.097) | (2.011.171.082) |
| (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | (67.479.097) | (2.011.171.082) |

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tổng Công ty có các cam kết thuê hoạt động liên quan đến việc thuê văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

| | VND | |
|--------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Trong vòng một năm | 4.646.557.382 | 6.814.194.358 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 4.836.133.182 | 3.761.499.867 |
| | 9.482.690.564 | 10.575.694.225 |

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

| Bên liên quan | Quan hệ |
|--|-------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn | Công ty mẹ |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam | Cổ đông lớn |

Tổng Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

| | VND | |
|---|-----------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Công ty mẹ | | |
| Gửi tiền gửi có kỳ hạn | 863.341.406.030 | 459.857.985.140 |
| Rút tiền gửi có kỳ hạn | 656.740.049.492 | 714.501.870.607 |
| Thu nhập từ lãi tiền gửi | 25.992.588.557 | 17.831.705.003 |
| Phí dịch vụ ngân hàng | 257.104.172 | 786.706.234 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Cổ đông lớn | | |
| Gửi tiền gửi có kỳ hạn | 17.000.000.000 | 28.000.000.000 |
| Rút tiền gửi có kỳ hạn | 9.000.000.000 | 13.000.000.000 |
| Thu nhập từ lãi tiền gửi | 1.103.306.469 | 1.496.110.956 |

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Các khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|---------------|---------------|
| Thù lao Hội đồng Quản trị | 2.077.312.320 | 1.672.333.332 |

Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Điều hành trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------|---------------|---------------|
| Lương và thưởng | 5.997.985.204 | 4.410.000.000 |

Số dư chủ yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------|-----------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Công ty mẹ | | |
| Tiền gửi thanh toán | 292.375.218.419 | 411.533.897.437 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 281.957.471.071 | 75.356.114.533 |
| Dự thu lãi tiền gửi | 2.048.920.589 | 2.168.084.920 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Cổ đông lớn | | |
| Tiền gửi thanh toán | 3.264.238.838 | 2.796.988.987 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 40.000.000.000 | 32.000.000.000 |
| Dự thu lãi tiền gửi | 3.134.899.033 | 1.366.684.931 |

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm.

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 41.546.246.408 | 38.479.938.274 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 59.999.474 | 59.999.474 |
| Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | (1.731.597.222) | (1.980.036.898) |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 39.814.649.186 | 36.499.901.376 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 664 | 608 |

33. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Biên khả năng thanh toán là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán. Việc tính toán biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty được thực hiện theo các hướng dẫn tại Thông tư 50.

Bảng dưới đây thể hiện việc tính toán biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Cục quản lý giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả gắn liền với lợi ích của người mua bảo hiểm. Đồng thời, Cục quản lý giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đáp ứng được với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| I. Biên khả năng thanh toán (i = (1) + (2) + (3)) | 504.507.558.723 | 509.418.817.079 |
| 1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả | 675.204.390.953 | 666.537.856.296 |
| 2. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán | 81.251.414.769 | 70.382.070.446 |
| 3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán | 89.445.417.461 | 86.736.968.771 |
| II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [II=Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)] | 176.147.523.208 | 174.269.299.322 |
| (a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại | 176.147.523.208 | 174.269.299.322 |
| (b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm | 153.109.731.753 | 136.500.681.429 |
| III. So sánh (I) và (II) | | |
| Theo số tuyệt đối | 328.360.035.515 | 335.149.517.757 |
| Theo tỷ lệ phần trăm | 286% | 292% |

34. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

34.1 Cơ chế Quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công ty từ các sự kiện cản trở Tổng Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tổng Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Điều hành và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Điều hành chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Tổng Công ty.

34.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tồn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro để cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó, Tổng Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề phát sinh.

34. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

34.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tổng Công ty tại Việt Nam phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong Thông tư 50 của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Tổng Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

| | Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty | Biên khả năng thanh toán tối thiểu | Tỷ lệ biên khả năng thanh toán |
|---------------------------|--|---|---------------------------------------|
| | VND | VND | % |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 504.507.558.723 | 176.147.523.208 | 286% |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 509.418.817.079 | 174.269.299.322 | 292% |

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính.

34.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh..

34.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Tổng Công ty thực hiện tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm hoặc do đánh giá nội bộ mới được phép tiến hành giao dịch.

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Tổng Công ty và cách thức Tổng Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

35.1 Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 50. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn 792 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tổng Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

35.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tổng Công ty và trái phiếu doanh nghiệp.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Điều hành của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với giá cổ phiếu.

35.2.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu Khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, tạm ứng cho khách hàng và các khoản phải thu khác. Tổng Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cần nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tổng Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Điều hành của Tổng Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

| | Chưa đáo hạn | Quá hạn nhưng không giảm giá trị | Bị giảm giá trị riêng lẻ | Tổng cộng |
|---|--------------------------|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <i>VND</i> | | | | |
| Số cuối năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 347.704.234.926 | - | - | 347.704.234.926 |
| Các khoản đầu tư tài chính | 875.509.514.978 | - | 12.255.528.890 | 887.765.043.868 |
| Chứng khoán kinh doanh | 46.855.986.757 | - | 10.369.692.890 | 57.225.679.647 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 684.025.964.221 | - | - | 684.025.964.221 |
| Trái phiếu (*) | 115.010.400.000 | - | 1.503.000.000 | 116.513.400.000 |
| Đầu tư khác | 29.617.164.000 | - | 382.836.000 | 30.000.000.000 |
| Phải thu của Khách hàng (*) | 199.721.102.454 | 5.900.900.854 | 10.493.040.976 | 216.115.044.284 |
| Phải thu khác | 15.339.642.324 | (1.933.977.890) | 2.913.199.223 | 16.318.863.657 |
| Lãi dự thu | 40.941.595.959 | - | - | 40.941.595.959 |
| Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 100.486.043.814 | - | - | 100.486.043.814 |
| Ký quỹ bảo hiểm | 12.000.000.000 | - | - | 12.000.000.000 |
| Các khoản ký quỹ khác | 4.206.039.082 | - | 109.722.816 | 4.315.761.898 |
| | 1.595.908.173.537 | 3.966.922.964 | 25.771.491.905 | 1.625.646.588.406 |

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

35.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

VND

| | Chưa quá hạn và không giảm giá trị | Quá hạn nhưng không giảm giá trị | Bị giảm giá trị riêng lẻ | Tổng cộng |
|---|------------------------------------|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 467.529.651.751 | - | - | 467.529.651.751 |
| Các khoản đầu tư tài chính | 674.480.989.475 | - | 15.451.004.664 | 689.931.994.139 |
| <i>Chứng khoán kinh doanh</i> | 25.838.881.792 | - | 13.148.004.664 | 38.986.886.456 |
| <i>Tiền gửi có kỳ hạn</i> | 529.424.607.683 | - | - | 529.424.607.683 |
| <i>Trái phiếu (*)</i> | 90.017.500.000 | - | 1.503.000.000 | 91.520.500.000 |
| <i>Đầu tư khác</i> | 29.200.000.000 | - | 800.000.000 | 30.000.000.000 |
| Phải thu của Khách hàng (*) | 175.605.768.116 | 6.706.803.034 | 876.279.984 | 191.999.709.946 |
| Phải thu khác | 27.175.966.877 | 102.941.349 | - | 28.155.188.210 |
| Lãi dự thu | 21.947.398.620 | - | - | 21.947.389.620 |
| Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 98.698.496.819 | - | - | 98.698.496.819 |
| Ký quỹ bảo hiểm | 12.000.000.000 | - | - | 12.000.000.000 |
| Các khoản ký quỹ khác | 3.16.571.661 | - | 109.722.816 | 3.326.294.477 |
| | 1.480.654.843.319 | 6.809.744.383 | 26.124.146.260 | 1.513.588.733.962 |

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Chưa quá hạn và không suy giảm giá trị: các tài sản tài chính có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Tổng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Bị giảm giá trị riêng lẻ: các công cụ nợ mà Tổng Công ty cho rằng không có khả năng thu lãi và gốc theo những điều khoản của hợp đồng

35.2.3 Rủi ro thanh khoản

Tổng Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Tổng Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Tổng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Tổng Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản để thanh toán các chi phí phát sinh do nhu cầu tiền ngoài dự tính.

Đáo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây trình bày sơ lược thời gian đáo hạn theo hợp đồng nợ tài chính trên cơ sở chiết khấu tại thời điểm cuối năm:

VND

| | Trong hạn | | | | | Tổng |
|---|-----------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|
| | Quá hạn | Dưới 1 năm | 1-5 năm | Trên 5 năm | Không kỳ hạn | |
| Số cuối năm | | | | | | |
| Tài sản tài chính | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | - | - | - | - | 347.704.234.926 | 347.704.234.926 |
| Các khoản đầu tư tài chính | 1.503.000.000 | 715.025.964.221 | 114.010.400.000 | - | 57.225.679.647 | 887.765.043.868 |
| - <i>Chứng khoán kinh doanh (*)</i> | - | - | - | - | 57.225.679.647 | 57.225.679.647 |
| - <i>Tiền gửi kỳ hạn</i> | - | 640.025.964.221 | 44.000.000.000 | - | - | 684.025.964.221 |
| - <i>Trái phiếu (*)</i> | 1.503.000.000 | 75.000.000.000 | 40.010.400.000 | - | - | 116.513.400.000 |
| - <i>Đầu tư khác</i> | - | - | 30.000.000.000 | - | - | 30.000.000.000 |
| Phải thu của Khách hàng (*) | 16.393.941.830 | 199.721.102.454 | - | - | - | 216.115.044.284 |
| Phải thu khác | 979.221.333 | 15.339.642.324 | - | - | - | 16.318.863.657 |
| Lãi dự thu | - | 40.246.615.827 | 694.980.132 | - | - | 40.941.595.959 |
| Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm | - | 100.486.043.814 | - | - | - | 100.486.043.814 |
| Ký quỹ bảo hiểm | - | - | - | 12.000.000.000 | - | 12.000.000.000 |
| Các khoản ký quỹ khác | - | 441.418.360 | 3.87384.343.5 | - | - | 4.315.761.898 |
| | 18.876.163.163 | 1.071.260.787.000 | 118.579.723.670 | 12.000.000.000 | 404.929.914.573 | 1.625.646.588.406 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | | | |
| Phải trả người bán | - | 248.952.126.297 | - | - | - | 248.952.126.297 |
| Cổ tức phải trả | - | 6.012.313.102 | - | - | - | 6.012.313.102 |
| Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | - | 274.364.198.071 | - | - | - | 274.364.198.071 |
| Chi phí trích trước | - | 17.754.630.382 | - | - | - | 17.754.630.382 |
| Phải trả khác | - | 10.623.458.590 | - | - | - | 10.623.458.590 |
| | - | 557.706.726.442 | - | - | - | 557.706.726.442 |
| Chênh lệch thanh khoản ròng | 18.876.163.163 | 513.554.060.558 | 118.579.723.670 | 12.000.000.000 | 404.929.914.573 | 1.067.939.861.964 |

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính

Không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị năm vọng của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đáo hạn của hợp đồng được trình bày như trên.

35. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

35.2.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đáo hạn theo hợp đồng (tiếp theo)

| | Trong hạn | | | | | Tổng |
|---|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|
| | Quá hạn | Dưới 1 năm | 1-53 năm | Trên 5 năm | Không kỳ hạn | |
| Số đầu năm | | | | | | |
| Tài sản tài chính | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | - | - | - | - | 467.529.651.751 | 467.529.651.751 |
| Các khoản đầu tư tài chính | 1.503.000.000 | 437.384.573.437 | 212.057.534.246 | - | 38.986.886.456 | 689.931.994.139 |
| - Chứng khoán kinh doanh (*) | - | - | - | - | 38.986.886.456 | 38.986.886.456 |
| - Tiền gửi kỳ hạn | - | 367.367.073.437 | 162.057.534.246 | - | - | 529.424.607.683 |
| - Trái phiếu (*) | 1.503.000.000 | 70.017.500.000 | 20.000.000.000 | - | - | 91.520.500.000 |
| - Đầu tư khác | - | - | 30.000.000.000 | - | - | 30.000.000.000 |
| Phải thu của Khách hàng (*) | 16.393.941.830 | 175.605.768.116 | - | - | - | 191.999.709.946 |
| Phải thu khác | 979.221.333 | 27.175.966.877 | - | - | - | 28.155.188.210 |
| Lãi dự thu | - | 15.142.305.724 | 6.805.092.896 | - | - | 21.947.398.620 |
| Tài sản tái bảo hiểm | - | 98.698.496.819 | - | - | - | 98.698.496.819 |
| Ký quỹ bảo hiểm | - | - | - | 12.000.000.000 | - | 12.000.000.000 |
| Các khoản ký quỹ khác | - | 579.087.514 | 2.747.206.963 | - | - | 3.326.294.477 |
| | 18.876.163.163 | 754.586.198.487 | 221.609.834.105 | 12.000.000.000 | 506.516.538.207 | 1.513.588.733.962 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | | | |
| Phải trả người bán | - | 166.665.759.670 | - | - | - | 166.665.759.670 |
| Cổ tức phải trả | - | 4.526.851.757 | - | - | - | 4.526.851.757 |
| Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | - | 4.526.851.757 | - | - | - | 264.182.074.896 |
| Chi phí trích trước | - | 9.792.314.284 | - | - | - | 7.192.377.140 |
| Phải trả khác | - | 7.506.695.049 | - | - | - | 7.506.695.049 |
| | - | 450.073.758.512 | - | - | - | 450.073.758.512 |
| Chênh lệch thanh khoản ròng | 18.876.163.163 | 304.512.439.975 | 221.609.834.105 | 12.000.000.000 | 506.516.538.207 | 1.063.514.975.450 |

VND

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính

Không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị năm vọng của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đáo hạn của hợp đồng được trình bày như trên.

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính:

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|--|--------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Nguyên giá | Dự phòng | Nguyên giá | Dự phòng | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 347.704.234.926 | - | 467.529.651.751 | - | 347.704.234.926 | 467.529.651.751 |
| Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | | | | | | |
| Đầu tư sẵn sàng để bán | | | | | | |
| Cổ phiếu niêm yết | 52.399.238.647 | (6.355.024.863) | 34.160.445.456 | (8.969.898.842) | 46.044.213.784 | 25.190.546.614 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 4.826.441.000 | (4.014.668.027) | 4.826.441.000 | (4.178.105.822) | 811.772.973 | 648.335.178 |
| Chứng chỉ quỹ | - | - | - | - | - | 19.925.997.500 |
| Trái phiếu Doanh nghiệp | 116.513.400.000 | (1.885.836.000) | 91.520.500.000 | (1.503.000.000) | N/A | N/A |
| Các khoản cho vay và phải thu | | | | | | |
| Tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn | 640.025.964.221 | - | 367.367.073.437 | - | 640.025.964.221 | 367.367.073.437 |
| Tiền gửi kỳ hạn dài hạn | 44.000.000.000 | - | 162.057.534.246 | - | N/A | N/A |
| Các khoản đầu tư khác | 30.000.000.000 | (382.836.000) | 30.000.000.000 | (800.000.000) | N/A | N/A |
| Phải thu Khách hàng | 216.115.044.284 | (18.226.342.164) | 191.999.709.946 | (9.687.138.796) | 197.888.702.120 | 182.312.571.150 |
| Phải thu khác | 16.318.863.657 | (2.913.199.223) | 28.155.188.210 | (876.279.984) | 13.405.664.434 | 27.278.908.226 |
| Lãi dự thu | 40.941.595.959 | - | 21.947.398.620 | - | 40.941.595.959 | 21.947.398.620 |
| Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 100.486.043.814 | - | 98.698.496.819 | - | 100.486.043.814 | 98.698.496.819 |
| Ký quỹ bảo hiểm | 12.000.000.000 | - | 12.000.000.000 | - | N/A | N/A |
| Các khoản ký quỹ khác | 4.315.761.898 | (673.679.100) | 3.326.294.477 | (109.722.816) | N/A | N/A |
| | 1.625.646.588.406 | (34.451.585.377) | 1.513.588.733.962 | (26.124.146.260) | | |

VND

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính:

VND

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 248.952.126.297 | 166.665.759.670 | 6.012.313.102 | 166.665.759.670 |
| Phải trả cổ tức | 6.012.313.102 | 4.526.851.757 | 274.364.198.071 | 4.526.851.757 |
| Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 274.364.198.071 | 264.182.074.896 | 17.754.630.382 | 264.182.074.896 |
| Chi phí trích trước | 17.754.630.382 | 7.192.377.140 | 10.623.458.590 | 7.192.377.140 |
| Phải trả khác | 10.623.458.590 | 7.506.695.049 | 248.952.126.297 | 7.506.695.049 |
| | 557.706.726.442 | 450.073.758.512 | 557.706.726.442 | 450.073.758.512 |

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Giá trị hợp lý của các Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu Khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo cáo giá của ba (3) công ty chứng khoán lớn và có uy tín trên thị trường. Nếu cổ phiếu chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Tổng Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.



Nguyễn Vĩnh Khiêm
 Người lập biểu



Hà Minh Hiếu
 Kế toán Trưởng



Phan Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 03 năm 2020

MẠNG LƯỚI
HOẠT ĐỘNG



| STT | TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ | VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC | ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ | ĐIỆN THOẠI | FAX |
|---------------------------------|----------------------------|---|---|----------------------|--------------|
| KHU VỰC DUYÊN HẢI BẮC BỘ | | | | | |
| 1 | BL Thái Nguyên | | Số 10 Cách mạng tháng 8, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Thái Nguyên. | 0208.365.1115 | 0280.3651113 |
| 1.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Lạng Sơn | 515B, Đ. Trần Đăng Ninh, xã Hoàng Đông, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn | | |
| 2 | BL Quảng Ninh | | Tầng 3-6 căn nhà Ô số 3, ô số 4* QH đất xen kẹp nhà văn hóa khu 6A, Phường Hồng Hải, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | 0203.3815185 | 02033.815185 |
| 2.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Cẩm Phả | Số Nhà 397, Tổ 68, Khu Diêm Thủy, Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh | | |
| 2.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Uông Bí | 404 Trần Nhân Tông, Phường Thanh Sơn, Tp. Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh | | 2033.664889 |
| 2.3 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Móng Cái | | | |
| 3 | BL Phú Thọ | | Tòa nhà MB, Số 1596, Đường Hùng Vương, P. Gia Cẩm, Tp. Việt Trì, T. Phú Thọ | 210.3652.999 | 210.3652288 |
| 3.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Lào Cai | Trắng 2, showroom moto D1, P. Bắc Cường, TP. Lào Cai, Lào Cai | | |
| 4 | BL Hải Phòng | | Tầng 7, Tòa Nhà CPN, Số 7 Lê Hồng Phong, P. Đồng Khê, Q. Ngô Quyền, TP -HP | 2253.686.999 | 2253.686888 |
| 4.3 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nam | Số 14 ngách 84, ngõ 174, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội | 0313.686.999/777/555 | 0313.686.888 |
| 4.4 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Nội | 14/178/48 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội | | |
| 4.5 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Hưng Yên | Xóm 2 Thôn Mế Xá, Xã Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên | 0913.819.568 | |
| 5 | BL Bắc Ninh | | Tầng 4, 316 Trần Hưng Đạo, Phường Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh | 0222.3861.666 | 0222.3634567 |
| 5.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Giang 1 | Lô G14, Đường Cả Trọng, P. Đình Kế, Bắc Giang | 02043.555.785 | |
| 5.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Giang 2 | Lô G14, Đường Cả Trọng, P. Đình Kế, Bắc Giang | | |
| 6 | BL Hải Dương | | Tầng 6, Tòa nhà Vĩnh Lộc, Khu Tây, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, | 0220.3833.999 | |
| 6.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Chí Linh | Trúc Thôn, Phường Cộng Hòa, TX Chí Linh Hải Dương | | |

| STT | TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ | VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC | ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ | ĐIỆN THOẠI | FAX |
|---------------------------------|----------------------------------|---|---|---------------|---------------|
| KHU VỰC DUYÊN HẢI BẮC BỘ | | | | | |
| 7 | BL Nam Định | | Số 143 Tổ 27, Đường Giải Phóng, Phường Cửa Bắc, Tp. Nam Định, Tỉnh Nam Định | 0228.3511.199 | 0228.3511199 |
| 7.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nam | Số 14 ngách 84, ngõ 174, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội | | |
| 7.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Phương Nam | Tổ 18 TT Bùi Chu, xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định | | |
| 8 | BL Vĩnh Phúc | | Tầng 2, Tòa nhà Viettel Vĩnh Phúc, Lô S1, Khu đô thị chùa Hà Tiên, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc | 0211.625.1186 | 0211.6251186 |
| 8.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Thành | 38/64/3 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội | | |
| 9 | BL Đông Hải | | 01 phòng tại tầng 8 tòa nhà 9 tầng nhà khách Hải Quân, số 5 Lý Tự Trọng, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng | 02253.816666 | 2253.250599 |
| 9.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Khoái Châu | Thị Tứ Bô Thời - Hồng Tiến - Khoái Châu - Hưng Yên | 0975.033.893 | |
| 10 | BL Ninh Bình | | TTTM Bình An Nhiên, số 90 đường Lê Hồng Phong, Phường Vân Giang, Thành phố Ninh Bình | 0229.387.6899 | 0229.3875899 |
| 10.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Yên Khánh | Phố 1, TT Yên Ninh, Huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình | | |
| 10.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Tam Điệp | P. Trung Sơn, Tp. Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình | | |
| 10.3 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Nam | 170 Lê Công Thanh, Phủ Lý, Hà Nam | | |
| 11 | BL Thái Bình | | Tầng 2, Lô số 20+22/TT4G Dự án Khu phố 3, Khu đô thị mới Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình | 0227.6528.666 | 0227.3658966 |
| Khu vực Hà Nội | | | | | |
| 12 | BL Hà Nội | | Tầng 1, tòa nhà số 30, Trung Liệt, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, Hà Nội | 024.37629.070 | 024.37629045 |
| 13 | BL Thủ Đức | | A46, TT16 Khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội | 024.3782.4476 | 024.3782.4479 |
| 14 | BL Thăng Long | | Tầng 2, Tòa nhà ACCI số 210 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội | 024.7108.6033 | 024.71086033 |
| 15 | Sở Giao dịch miền Bắc | | Tầng 5, 6 số 5 ngõ 75 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu giấy Hà Nội | 024.4450.1080 | |
| 16 | BL Đông Đô | | 74-76 Nguyễn Khang, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội | 024.3201.0711 | |
| 16.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Mỹ Đức - Hà Tây | Xóm 10 - Phù Lưu Tế - Huyện Mỹ Đức - TP. Hà Nội | | |



| STT | TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ | VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC | ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ | ĐIỆN THOẠI | FAX |
|--|---------------------------|--------------------------------------|--|-----------------|---------------|
| KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN | | | | | |
| 17 | BL Thanh Hóa | | Tầng 3,107 Đường Lạc Long Quân, P. Đông Vệ, Tp.Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa | 0237.3855658 | 0237.3859658 |
| 17.1 | | Phòng kinh doanh Khu vực Bim Sơn | | | |
| 17.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Tinh Gia | | | |
| 17.3 | | Phòng kinh doanh Khu vực Ngọc Lặc | | | |
| 17.4 | | Phòng kinh doanh Khu vực Như Thanh | | | |
| 17.5 | | Phòng kinh doanh Khu vực Triệu Sơn | | | |
| 18 | BL KV Bắc Trung Bộ | | 106A Đường Mai Hắc Đế, Phường Hà Huy Tập, TP.Vinh, Nghệ An | 0238 3575 368 | 0238.3575268 |
| 18.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Tĩnh | 365 Trần Phú, KP Vinh Hòa, P. Thạch Linh, TP. Hà Tĩnh | | 393.868585 |
| 18.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Nghệ An | Khối 3 - Thị trấn Diễn Châu - H Diễn Châu - Tỉnh Nghệ An | | |
| 18.3 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nghệ An | 437 Khối Đồng Tâm, P. Hòa Hiếu, Tx Thái Hòa, tỉnh Nghệ An | | |
| 18.4 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Đô Lương | Xóm Yên Thế, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An | | |
| 18.5 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Quỳnh Lưu | Xóm 3 – Xã Quỳnh Hồng - Huyện Quỳnh Lưu- Tỉnh Nghệ An | | |
| 19 | BL KV Trung Bộ | | Tầng1, Số 23 Nguyễn Văn Cừ, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế | 0234.3978.288 | 02034.3879099 |
| 19.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Quảng Trị | 69 Lý Thường Kiệt , Tp. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị | | |
| 20 | BL KV Tây Nguyên | | 161 Ngô quyền, P. Tân An, TP. Buôn Mê Thuột, Đak Lak | 0262.8553.789 | 0262.3968768 |
| 20.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Đăk Nông | TDP2, P.Nghĩa Thành, TX Gia Nghĩa, Đăk Nông | 501.35434 | |
| 20.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Eakar | 135 đường Quang Trung, Thôn 1a, Cư ni, TT Eakar, Đak Lak | | |
| 21 | BL Đà Nẵng | | 196 Nguyễn Hữu Thọ, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu - Đà Nẵng | (0236).3840 890 | 0236.3840656 |
| 21.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Hội An | 392 Cửa Đại, P Cẩm Châu, TP. Hội An, T.Quảng Nam | | |

| STT | TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ | VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC | ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ | ĐIỆN THOẠI | FAX |
|--|-------------------------|--|--|----------------------------|---------------------------|
| KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN | | | | | |
| 22 | BL Quảng Ngãi | | Số 21 đường Trường Chinh, P. Chánh Lộ, TP, Quảng Ngãi, Quảng Ngãi | 0255.6556.999 | 0255.3836181 |
| 22.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Núi Thành | 500 Phạm Văn Đồng, TT Núi Thành, H.Núi Thành, T.Quảng Nam | | 510.3870468 |
| 22.3 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Quảng Nam | Tổ 64 P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng | | |
| 23 | BL Phú Yên | | 242-244-246 Hùng Vương - TP.Tuy Hòa - Phú Yên | 02573.821.979 | 02573.810409/0257.813199 |
| 23.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Đồng Hòa | KP 2, TT Hòa Vinh, H Đồng Hòa, Phú Yên | 02573.53198 | 02573.531979 |
| 23.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Tuy An | Thôn Phú Mỹ, xã An Dân, H Tuy An, Phú Yên | 02573.86608 | 02573.866077 |
| 23.3 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Sông Cầu | 148 Phạm Văn Đồng, KP Long Hải, Phường Xuân Phú, TX Sông Cầu, Phú Yên | 02573.87662 | 02573.876616 |
| 24 | BL Bình Định | | Căn nhà số 48 đường Hoàng Văn Thụ, P. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Bình Định | 0256.384.6350 | 0256.384638 |
| 24.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Phù Cát | 10 Đường Hai Bà Trưng, TT Ngô May, H.Phù Cát, T.Bình Định | | |
| 24.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực An Nhơn | 30/3, Bắc Ngõ Gia Tự, P.Bình Định, TX An Nhơn, T.Bình Định | 0256.373516 | 0256.3735157 |
| 24.3 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Hoài Nhơn | 177 Quang Trung, TT Đồng Sơn, H.Hoài Nhơn, T.Bình Định | 0256.396136 | 0256.3961356 |
| 24.4 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Phù Mỹ | | | |
| 24.5 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Sơn | | | |
| 25 | BL Khánh Hòa | | 236 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Phước Hòa, Tp Nha Trang, Khánh Hòa | 02583 515229/ 02583 516609 | 02583 515209 02583 516609 |
| 25.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Ninh Thuận | 5 Trần Phú, P.Thanh Sơn, Tp Phan Rang-Tháp chàm, Tỉnh Ninh Thuận | 02593 828768 | 02593 828768 |
| 25.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực tại Ninh Hòa | 441 Trần Quý Cáp, P.Ninh hiệp, Tx Ninh hòa, Khánh Hòa | 02583 631666 | 02583 631666 |
| 25.3 | | Phòng Kinh doanh khu vực Cam Lâm | TT Cam Đức, Cam lâm, Khánh Hòa. | | |
| 25.4 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Cam Ranh | 131 Phạm Văn Đồng, P.Cam Thuận, Tp Cam Ranh, Khánh Hòa | 02583 950380 | 02583 950380 |
| 25.5 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Vạn Ninh | 469 Hùng Vương, TT Vạn Giã, H.Vạn Ninh, KH | 02583 840223 | 02583 840223 |

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)



| STT | TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ | VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC | ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ | ĐIỆN THOẠI | FAX |
|--|------------------------------|--------------------------------------|--|----------------|---------------|
| KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN | | | | | |
| 26 | BL Bình Thuận | | Số E3 Đường Hùng Vương, KP14, P.Phú Thủy, Phan Thiết, Bình Thuận | 0252. 6253179 | 252.6253179 |
| 27 | BL Lâm Đồng | | 2F Đường Ba Tháng Tư, P.03, Tp.Đà Lạt, T.Lâm Đồng | 0263.3837.56 | 0263.3837268 |
| 27.1 | | Phòng Kinh doanh Phú Mỹ Hưng | 1411 Nguyễn Văn Linh, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM | | |
| 27.2 | | Phòng Kinh doanh Bảo Lộc | 121C Trần Phú, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng | 0263.395889 | 0263.3958999 |
| 28 | BL Gia Lai | | 53 Nguyễn Tất Thành, Khu phố mới Hoa Lư - Phù Đổng, P.Hoa Lư, Tp.Pleiku, T.Gia Lai | 02693.829.767 | 02693.714243 |
| 29 | BL Quảng Bình | | Số 267 Lý Thường Kiệt, P. Đồng Phú, TP. Đồng Hới, Quảng Bình | 0232.3838.233 | 0232.3838234 |
| 29.1 | | Phòng Kinh doanh khu vực Quảng Trạch | | | |
| 29.2 | | Phòng Kinh doanh khu vực Bố Trạch | | | |
| KHU VỰC TP.HCM | | | | | |
| 30 | Sở giao dịch Bảo Long | | 159 Hoa Lan, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM | 028.35.172.91 | 028.35172921 |
| 31 | BL Bến Thành | | 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1 | 028.3914.5312 | 028.39145311 |
| 32 | BL TP.HCM | | Lầu 4, 50 Bis - 52 - 46/10 Phạm Hồng Thái, P.Bến Thành, Q1 | 028.38.296.268 | 028.38296269 |
| 33 | BL Sài Gòn | | 449 Trần Hưng Đạo, P.Cầu Kho, Q1-TPHCM | 028.3920.2288 | 028.39204556 |
| 33.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Củ Chi | 23 Lê Vinh Huy, Khu phố 7, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp. HCM | | |
| 34 | BL Nam Sài Gòn | | 39 Hải Thượng Lãn Ông, P.10, Q5 - TPHCM | 028.3853.7990 | 028.38536079 |
| 35 | BL Gia Định | | 59 Phan Bá Phiến, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 028.3526.4405 | 028.35261158 |
| 36 | BL Tân Sơn Nhất | | 95 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 028.38.409.866 | 28.39903117 |
| 37 | BL Đông Sài Gòn | | Tầng 3,4,5, tòa nhà số 316-318 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, TPHCM | 028.3827.9478 | 028.38239254 |
| 38 | BL Đông Phương | | Phòng số T3.3 và T3.5, Lầu 2 (Tầng 3), 72-74 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP.HCM | 028.3950.5014 | 028.39505013 |
| KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ | | | | | |
| 39 | BL Bình Dương | | 126 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa -Tx TDM - Bình Dương | 0274.3837.108 | 0274.3837109 |
| 39.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Phú Giáo | 550 KP2, Thị trấn Phước Vĩnh, H.Phú Giáo, T.Bình Dương | | |
| 40 | BL Đồng Nai | | BN4 LK20, Đường N1, KP6, P. Thống Nhất -Tp Biên Hòa-Đồng Nai | 02513.822.112 | 02513.822966 |
| 41 | BL Vũng Tàu | | Tầng 4-5, Tòa nhà 89 Lê Lợi, P6, TP.Vũng Tàu | 02543.591.033 | 02543.591932 |
| 41.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Bà Rịa | 389 CMT8, P.Phước Nguyên, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | | |
| 41.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Phước Tỉnh | 37 tổ 2, ấp Phước Thọ, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Không sử dụng | Không sử dụng |

| STT | TÊN CÔNG TY THÀNH VIÊN/ | VĂN PHÒNG KD TRỰC THUỘC | ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ | ĐIỆN THOẠI | FAX |
|----------------------------|-------------------------|-------------------------------------|---|---------------|---------------|
| KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ | | | | | |
| 41.3 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Tân Thành | Quốc lộ 51A, TT Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu | | |
| 42 | BL Tây Ninh | | Số 57, Lê Duẩn, Khu phố 1, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh | 0276.384.6666 | 0276.3627666 |
| 42.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Trảng Bàng | Ấp Suối Sâu, Xã An Tịnh, Trảng Bàng, Tây Ninh | | |
| KHU VỰC MIỀN TÂY | | | | | |
| 43 | BL Long An | | Tầng 4, Tòa nhà số 68A Hùng Vương, Phường 2, TPTân An, Long An | 02723.550.677 | 02723.550477 |
| 43.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Mỹ Tho | Lầu 3, Nhà số 134-136 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, TP Mỹ Tho, Tiền Giang. | 0273.397624 | |
| 44 | BL Cần Thơ | | 30 A3, Khu dân cư Hưng Phú I, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ | 02923.834.117 | 0292.3766466 |
| 44.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Vĩnh Long | 11-11A-11B-11C Phạm Thái Bường, P.4, Tp.Vĩnh Long | 0270.3842.197 | 0270.3842.197 |
| 44.2 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Hậu Giang | 89 Đường 30/4, KV2, P.Thuận An, TX. Long Mỹ, T.Hậu Giang | 0711.511.471 | |
| 44.3 | | Phòng Kinh doanh Khu vực An Giang | 100/5N Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, An Giang | | |
| 44.4 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Đồng Tháp | 60-62 Đốc Binh Kiều, P2, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp | | |
| 44.5 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Trà Vinh | 23 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.2. TP Trà Vinh, Trà Vinh | | |
| 45 | BL Cà Mau | | Số 114A, đường Nguyễn Công Trứ, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, Cà Mau | 0290.3520.557 | 0290.3520556 |
| 45.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Bạc Liêu | 14 Lý Thường Kiệt, P.3, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu | 7813.6866 | 7813.686566 |
| 46 | BL Kiên Giang | | Số L7-13 Đường Trần Quang Khải, P.An Hòa, Tp.Rạch Giá, T.Kiên Giang | 02973.778.686 | 02973.777793 |
| 46.1 | | Phòng Kinh doanh Khu vực Châu Đốc | 531 Nguyễn Văn Thoại, Cầu Phú, Châu Đốc, An Giang | 02723.550.677 | 02723.550477 |



Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn Quốc tế và được đăng tải tại website: www.baolonginsurance.com.vn



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

- 📍 : 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa kao,
Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
- ☎ : (84.28) 3823 9219
- ☎ : (84.28) 3822 8967
- ✉ : info@baohiembalong.vn
- 🌐 : baolonginsurance.com.vn